

PHONG TRÀO DUY TÂN

DÂN CHỦ - CÔNG LÝ - THỊNH VƯỢNG

TUẦN SAN 52-2024

PHONG TRÀO DUY TÂN

TUẦN SAN 52-2024

©2024 Phong trào Duy Tân

www.phongtraoduytan.com

Mọi hỗ trợ và liên lạc xin theo địa chỉ email bên dưới:

phongtraoduytanvietnam@gmail.com

Theo dõi trên mạng xã hội:

Facebook: www.facebook.com/phongtraoduytan

X: www.x.com/@phongtraoduytan

Youtube: www.youtube.com/@phongtraoduytan

“Liệu pháp sốc” tinh gọn bộ máy của Tô Lâm sẽ định hình tương lai Việt Nam thế nào?	6
Từ tư duy quản lý đến cải cách thể chế: Khởi thông tiến trình chuyển đổi cho một Việt Nam tự do, dân chủ và thịnh vượng	12
Bài học chọn xe và tương lai Vinfast	17
Làm sao Đức đã phá huỷ nền kinh tế của mình, và cách để sửa chữa nó	21
Cuộc chiến mới ở Trung Đông	26
Sự chậm lại của Trung Quốc đã thay đổi cuộc chiến thương mại	48
Những bài học từ nước Nga của Tập Cận Bình	60
Jimmy Carter: Phụng sự nhân loại và ân nhân của người tị nạn Việt Nam	77

“LIỆU PHÁP SỐC” TINH GỌN BỘ MÁY CỦA TÔ LÂM SẼ ĐỊNH HÌNH TƯƠNG LAI VIỆT NAM THẾ NÀO?



HUỲNH TRẦN

Năm 2024 với những biến động lớn sắp qua đi và, năm 2025 với tương lai bất định, khó lường sắp đến. Trong thời khắc này nếu phải chọn sự kiện quan trọng nhất đối với chính trường Việt Nam, ảnh hưởng sâu rộng đến mọi lĩnh vực khác của xã hội, thì đó là việc qua đời (ngày 19/7/2024) giữa nhiệm kỳ 13 của cố Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng sau hơn 13 năm tại vị và việc ông Tô Lâm thay thế (ngày 3/8/2024) với không ít ‘đôn đoán’ trong bối cảnh chống tham nhũng “không vùng cấm.”

Hãy bỏ qua những lời ca ngợi ông Nguyễn Phú Trọng là “nhà lý luận xuất sắc, tấm gương đạo đức...”^[1], bởi vì đó là truyền thống giữ ổn định chính trị của Đảng CS cầm quyền. Nhưng việc tân TBT Tô Lâm phát động cuộc cải cách thể chế, trong đó và trước hết là cuộc “tinh gọn bộ máy” của hệ thống chính trị mang tính “cách mạng”, là một trong những điều ‘bất ngờ’ lớn nhất. Tuy nhiên, ông là người hành động và có

quyền lực tuyệt đối, có lý do và ‘tự tin’ để hành động. Sự thay đổi được chờ đợi nhưng kết quả khó lường.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Khoá 12 năm 2017^[2] (gọi tắt là NQ18) về tinh gọn bộ máy... là căn cứ pháp lý để cải cách. Hơn thế, từng là Bộ trưởng Bộ công an, vượt khỏi chức năng giữ trật tự an ninh xã hội để trở thành trụ cột của chiến lược an ninh chế độ, được thể chế hoá, tăng cường lực lượng và tích lũy kinh nghiệm từ cải tổ nội bộ, ông Tô Lâm nắm trong tay những ‘lá bài tẩy’ chống “tự diễn biến, tự chuyển hoá” để cải cách sâu rộng hệ thống chính trị hiện hành. Và, sau đây là một vài ‘phương châm’ hành động được tuyên truyền rộng rãi: “Trung ương làm gương, địa phương hưởng ứng”, “vừa chạy vừa xếp hàng”, “khôi ung thu cần cắt bỏ”, “không thể chậm trễ hơn nữa!”... Phương án tinh gọn các tổ chức Đảng, Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận tổ quốc... và các tỉnh thành phải hoàn tất vào quý 1/2025.

Để bước đầu có thể đưa ra những đánh giá tác động chính sách cần coi cuộc tinh giản bộ máy lần này như những ‘liệu pháp sốc’, một chiến lược cải cách chính trị – hành chính sẽ thực hiện một cách nhanh chóng, toàn diện và quyết liệt, tạo ra sự thay đổi ngay lập tức và sâu rộng để thoát khỏi tình trạng trì trệ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy Đảng – Nhà nước. Quan sát sự vận hành sau bốn tháng, tính từ khi ông tân TBT phát động, chúng ta thấy rằng, cấu trúc chính trị về cơ bản không thay đổi nhưng luật pháp, hành chính và nhân sự đang có những chuyển động bổ sung, sửa đổi ở Quốc hội cũng như sự chuẩn bị trong mỗi bộ ngành, địa phương. Không thấy sự ‘chống đối nhưng sự ‘lo ngại’ có chiều hướng tăng lên về thất nghiệp, giảm thu nhập và gia tăng bất bình

đảng, đặc biệt đối với các nhóm dân cư yếu thế, hoàn cảnh khó khăn... Theo bà Bộ trưởng Bộ Nội, chỉ riêng sau sau sáp nhập huyện, xã, dự kiến sẽ đòi dư khoảng 21.800 cán bộ, công chức... [3]

Như liệu pháp sốc, cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị được áp dụng trong bối cảnh trì trệ và tham nhũng nghiêm trọng. Hy vọng về tiềm năng mang lại kết quả tích cực khi các nguồn lực được giải phóng, nhưng nó cũng đi kèm nhiều rủi ro và thách thức. Câu hỏi quan trọng nhất vẫn là động lực tăng trưởng, phát triển trong “kỷ nguyên mới” là gì? Liệu “kỷ nguyên mới” sẽ cân bằng với cuộc ‘cách mạng’ tinh gọn bộ máy thế nào hay sẽ là thử thách đối với nhiệm kỳ 14 của Đảng, trước hết là năm 2025 đây biến động.

“Kỷ nguyên mới” vẫn là cách quảng bá truyền thống hướng sự chú ý xa với hiện thực đời thường, những ‘ôn ào’ triển vọng về thu nhập cao, những công trình đồ sộ như đường sắt tốc độ cao hay các dự án ‘khủng’ nhà máy điện hạt nhân, các nhà đầu tư nước ngoài háng hái như Nvidia... dân lắng xuống... trong khi người dân bình thường lo toan cuộc sống hàng ngày và thị trường phản ứng thực tế hơn. Thị trường chứng khoán sau nhiều năm vẫn chịu dưới “mức kháng cự” 1.300 điểm, thị trường bất động sản vẫn trầm lắng, tăng trưởng GDP và xuất khẩu phụ thuộc lớn vào khu vực đầu tư nước ngoài, đầu tư công vẫn ì ạch...

Thành công của liệu pháp sốc không những chỉ phụ thuộc vào sự chuẩn bị kỹ lưỡng và năng lực quản trị, mà còn khả năng thích nghi của xã hội, của các quan chức còn ‘trụ lại’ sau tinh giản, của doanh nghiệp và người dân. Về hình thức, người ta thấy cả hệ thống chính trị đang ‘tất bật’ vào cuộc

nhưng hầu như người ta không nghe hay đọc thấy từ *dân chủ*. Tình hình suy thoái về dân chủ khiến cho chế độ độc tài, chuyên chế lên ngôi. Đối với những nước có chế độ đảng CS toàn trị như Việt Nam những nguyên tắc dân chủ căn bản như tự do bầu cử, nhân quyền, pháp quyền, công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền... là những điều còn xa vời nhưng hãy đặt vấn đề vị trí của người dân ở đâu trong cuộc 'cách mạng' này để niềm tin của họ, vốn là tài sản quý giá, đã sứt giảm liệu sẽ được khôi phục thế nào? Người dân phải là một trong những đối tượng của cải cách, bởi vậy sự tham gia của họ sẽ là một kênh phản hồi, một chỉ báo quan trọng để đánh giá về hiệu quả của cải cách thể chế.

Trong lịch sử hiện đại gần đây một số quốc gia từng trải qua các liệu pháp sốc trong chính sách cải cách, có những thất bại và thành công. Ví dụ, Ba Lan năm 1990 đã áp dụng liệu pháp sốc để chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa sang thị trường tự do. Các biện pháp bao gồm tự do hóa giá cả, tư nhân hóa, và cải cách thuế. Kết quả là nền kinh tế ổn định và tăng trưởng mạnh sau giai đoạn khủng hoảng ban đầu. Ngược lại, Liên bang Nga, vào những năm đầu 1990, dưới thời Tổng thống Boris Yeltsin, đã thực hiện liệu pháp sốc với mục tiêu chuyển đổi từ nền kinh tế Xô Viết sang kinh tế thị trường. Tuy nhiên, do thiếu sự chuẩn bị và quản lý, cải cách này gây ra lạm phát cao, sụp đổ các ngành công nghiệp, và gia tăng bất bình đẳng... Hiện nay, giới quan sát đang hướng sự chú ý vào Argentina. Tổng thống Javier Milei nhậm chức vào tháng 12 năm 2023 với tầm nhìn và chính sách tự do cấp tiến để giải quyết các cuộc khủng hoảng kinh tế tàn khốc của đất nước. Từ việc cắt giảm chi tiêu công và kiểm soát lạm phát cho đến bãi bỏ luật kiểm soát tiền thuê nhà, các cải cách toàn diện đã dần ổn định nền kinh tế và thúc đẩy tăng trưởng...

Cuối cùng, đối với trường hợp của Hoa Kỳ dưới thời chính phủ 2.0 của tân tổng thống tái nhiệm Donald Trump việc thành lập bộ phận hiệu quả chính phủ ‘DOGE’ do tỷ phú Elon Musk với việc hứa hẹn tinh gọn và cắt giảm chi tiêu lớn của chính phủ, mặc dù còn tranh cãi nhưng là những liệu pháp thực sự ‘sốc’!

Khi bước sang năm 2025, con đường cách mạng tinh gọn bộ máy của Đảng CS Việt Nam dưới sự lãnh đạo của TBT Tô Lâm vẫn đầy gian nan, thử thách. Dù các cải cách khởi đầu cho thấy sự quyết tâm và tiềm năng, nhưng chi phí xã hội và kinh tế sẽ tiếp tục định hình tương lai của đất nước. Liệu cách mạng tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị này sẽ mang lại một “phép màu” thay đổi hay cái giá nhất định phải trả khi người dân đứng ngoài cuộc của cuộc cải cách thể chế này? Chỉ thời gian mới có thể trả lời.

Tham khảo:

1. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nhung-hoi-uc-ky-niem-nho-mai-ve-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong/-/2018/943902/dong-chi-nguyen-phu-trong-nha-ly-luan-xuat-sac-cua-dang%2C-tam-guong-dao-duc-sang-ngoai.aspx>;
2. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-quyet-18-NQ-TW-2017-sap-xep-to-chuc-bo-may-cua-he-thong-chinh-tri-tinh-gon-hoat-dong-hieu-luc-365493.aspx>;
3. <https://www.youtube.com/watch?v=XYtqRe5ssCI>

Nguồn: Huỳnh Trần, ““Liệu pháp sốc” tinh gọn bộ máy của Tô Lâm sẽ định hình tương lai Việt Nam thế nào?”, RFA Tiếng Việt, 28/12/2024.

TỪ TƯ DUY QUẢN LÝ ĐẾN CẢI CÁCH THỂ CHẾ: KHỞI THÔNG TIẾN TRÌNH CHUYỂN ĐỔI CHO MỘT VIỆT NAM TỰ DO, DÂN CHỦ VÀ THỊNH VƯỢNG



VŨ ĐỨC KHANH

Bản tin ngắn từ Trang Thông tin Chính phủ ngày hôm nay 29/12/2024 đã tạo ra một điểm khởi đầu quan trọng cho những cuộc thảo luận về tương lai của Việt Nam. Nguyên văn như sau:

“Cần dứt khoát bỏ tư duy ‘không quản được thì cấm, không biết mà vẫn quản,’ quán triệt tư duy ‘ai quản lý tốt nhất thì giao.’ Người dân và doanh nghiệp được làm những gì luật không cấm, cái gì cấm thì đưa vào luật, cái gì không cấm thì phải tạo không gian cho sáng tạo, cái gì doanh nghiệp và người dân làm được, làm tốt hơn thì Nhà nước dứt khoát không làm!”

Thoạt nhìn, đây là một thông điệp đầy hứa hẹn, nhấn mạnh sự thay đổi trong tư duy quản lý nhằm tạo điều kiện tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp phát triển. Tuy nhiên, khi đặt trong bối cảnh chính trị hiện nay của Việt Nam, bản tin này không chỉ phản ánh một mong muốn cải cách mà còn đặt ra những câu hỏi lớn hơn về những rào cản thực sự cản trở sự chuyển đổi hệ thống.

Hiện trạng chính trị Việt Nam: Một cái ghềnh lớn cần tháo gỡ

1. Quyền lực tập trung tuyệt đối

Hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) kiểm soát toàn diện mọi lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, đến xã hội. Quyền lực này không chỉ khiến bộ máy nhà nước bị hành chính hóa mà còn tạo ra sự thiếu minh bạch và trách nhiệm giải trình. Không có một cơ chế kiểm soát độc lập nào giám sát được quyền lực của Đảng, dẫn đến hiện tượng “vừa đá bóng, vừa thổi còi.”

Bản tin của Chính phủ kêu gọi “dứt khoát không làm” những việc mà người dân và doanh nghiệp làm tốt hơn. Tuy nhiên, trong thực tế, cơ chế tập trung quyền lực đã khiến Nhà nước và các cơ quan hành chính thường can thiệp quá sâu vào các lĩnh vực kinh tế và xã hội. Điều này không chỉ kìm hãm sáng tạo mà còn làm giảm hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Lợi ích nhóm và sự tha hóa quyền lực

Một rào cản lớn khác đến từ lợi ích nhóm trong nội bộ Đảng và hệ thống chính trị. Các nhóm này thường có động lực bảo vệ cơ chế hiện tại để duy trì quyền lực và lợi ích cá nhân. Điều này dẫn đến sự chậm trễ trong cải cách và sự kháng cự

mạnh mẽ đối với bất kỳ thay đổi nào đe dọa lợi ích cốt lõi của họ.

3. Tâm lý sợ thay đổi và văn hóa chính trị bảo thủ

Bài học từ sự sụp đổ của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu đã ăn sâu vào tâm lý lãnh đạo ĐCSVN. Nỗi sợ rằng bất kỳ sự chuyển đổi nào cũng có thể dẫn đến bất ổn hoặc mất quyền kiểm soát khiến họ thận trọng, thậm chí trì hoãn những cải cách cần thiết.

Cùng lúc đó, văn hóa chính trị Việt Nam hiện tại chưa thực sự khuyến khích sự phản biện hay tranh luận công khai. Không gian dành cho các ý tưởng đổi mới, dù mang tính xây dựng, vẫn rất hạn chế.

Khởi thông tiến trình: Những đề xuất cho một cuộc chuyển đổi hòa bình

1. Cải cách từ nội bộ Đảng

Để thúc đẩy tiến trình chuyển đổi, ĐCSVN cần thực hiện những bước sau:

Chuyển từ lãnh đạo toàn diện sang định hướng chiến lược: Đảng nên tập trung vào việc đề ra các chiến lược dài hạn và nhường lại quyền điều hành cụ thể cho các cơ quan nhà nước. Điều này sẽ giúp hệ thống chính trị trở nên linh hoạt hơn, giảm thiểu tình trạng chồng chéo quyền lực.

Khuyến khích cạnh tranh nội bộ: Xây dựng các cơ chế đánh giá cán bộ dựa trên hiệu quả thực tiễn thay vì chỉ dựa vào lòng trung thành chính trị.

2. Xây dựng một nhà nước pháp quyền thực chất

Việc thúc đẩy pháp quyền là bước đi then chốt để khơi thông tiến trình chuyển đổi:

Pháp luật phải đứng trên mọi tổ chức và cá nhân, kể cả ĐCSVN. Điều này đòi hỏi việc ban hành một luật về hoạt động của Đảng để xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của ĐCSVN.

Tăng cường cơ chế giám sát độc lập: Cần có các cơ quan giám sát không trực thuộc Đảng để đảm bảo sự minh bạch trong hoạt động quản lý nhà nước.

3. Thúc đẩy không gian chính trị mở

Tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội dân sự: Đây là bước đi quan trọng để tạo ra một không gian phản biện lành mạnh và nâng cao vai trò của người dân trong việc định hình chính sách công.

Đổi mới môi trường báo chí và truyền thông: Báo chí cần được trao nhiều quyền tự do hơn để đóng vai trò cầu nối giữa chính quyền và nhân dân.

Những ý kiến phản biện và phản hồi

Phản biện 1: Đổi mới chính trị có thể dẫn đến bất ổn xã hội

Nhiều ý kiến cho rằng sự ổn định là điều kiện tiên quyết cho phát triển, và bất kỳ sự chuyển đổi nào cũng có thể gây ra rủi ro lớn.

Phản hồi: Sự ổn định chỉ có ý nghĩa nếu nó tạo nền tảng cho phát triển bền vững. Một hệ thống chính trị linh hoạt và minh bạch hơn sẽ giảm thiểu nguy cơ bất ổn lâu dài, thay vì duy trì sự ổn định giả tạo.

Phản biện 2: ĐCSVN không có động lực để thay đổi

Một số người cho rằng Đảng sẽ không tự từ bỏ quyền lực và lợi ích của mình.

Phản hồi: Áp lực từ hội nhập quốc tế, các vấn đề kinh tế xã hội nội tại, và sự thức tỉnh của người dân sẽ buộc ĐCSVN phải thay đổi nếu họ muốn duy trì vai trò lãnh đạo.

Phản biện 3: Cải cách thể chế chỉ là hình thức nếu không có thay đổi từ văn hóa chính trị

Phản hồi: Cải cách thể chế cần đi đôi với việc thay đổi nhận thức và tư duy của cả lãnh đạo và nhân dân. Giáo dục chính trị và xã hội cần hướng tới việc khuyến khích tư duy phản biện và sự tham gia của người dân vào các vấn đề quốc gia.

Kết luận: Một Việt Nam tự do, dân chủ và thịnh vượng

Bản tin ngắn của Chính phủ hôm nay 29/12/2024, nếu được hiện thực hóa, có thể là khởi điểm cho một tiến trình đổi mới thực sự. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu xây dựng một Việt Nam tự do, dân chủ và thịnh vượng, cần nhiều hơn những khẩu hiệu: đó là sự thay đổi mang tính cấu trúc và dài hạn.

ĐCSVN đang đứng trước một lựa chọn lịch sử: hoặc dẫn dắt một cuộc chuyển đổi hòa bình và khẳng định vai trò lãnh đạo bằng tính chính danh, hoặc tiếp tục duy trì nguyên trạng với nguy cơ đối mặt với khủng hoảng niềm tin. Với một tầm nhìn xa và ý chí chính trị mạnh mẽ, Việt Nam hoàn toàn có thể viết nên chương mới trong lịch sử của mình.

BÀI HỌC CHỌN XE VÀ TƯƠNG LAI VINFAST



NGUYỄN HUY VŨ

Trong suốt một thời gian dài, đa số người Việt Nam làm quen với xe máy, và cho đến gần đây mới bắt đầu mua xe hơi. Có lẽ vì thiếu kinh nghiệm, nên họ đã vội vã chọn một chiếc xe mà vấn đề an toàn của nó vẫn còn là một thách thức để làm phương tiện vận chuyển của mình. Dưới đây, xin trình bày với quý bạn một vài kinh nghiệm của tôi, một người đi mua xe hơi, và dưới góc độ của một nhà kinh tế học, tức suy xét đến các lợi ích kinh tế tổng quan.

Thứ nhất, là sự giữ giá của xe. Một chiếc xe là một sự đầu tư. Bạn mua một chiếc xe, và thường mong đợi độ bền của nó tới 20 năm. Trong rất nhiều trường hợp, nếu xe của bạn giữ kỹ, sau 20 năm xài, bạn vẫn có thể còn bán được. Tuy vậy, có thể vì những nguyên nhân khác nhau, sau khi dùng vài năm, bạn có thể cần phải bán nó. Bán nó để mua xe mới, hoặc bán nó lấy tiền để làm chuyện khác. Xe vì vậy là một tài sản. Và tài sản nằm dưới dạng xe thì bấp bênh, tùy hãng xe. Có loại xe rất ít mất giá, còn có loại xe thì rớt giá rất nhanh sau khi mua. Sự giữ giá của xe tùy thuộc vào thương hiệu xe. Do đó

thương hiệu xe rất quan trọng. Một chiếc xe mà người ta nghĩ rằng mua về nó sẽ hư nhanh và xuống cấp nhanh thì giá nó sẽ mất rất nhanh. Còn một chiếc xe mà người ta biết rằng nó rất bền, tức giá trị vật chất nó kéo dài thì giá của nó cũng giữ lâu.

Yếu tố thứ hai rất quan trọng đó là sự tồn tại của hãng xe. Bạn muốn thấy hãng xe của mình có thể tồn tại ít nhất là vài chục năm nữa. Tại sao? Tại vì nếu xe hư, bạn cần phụ tùng để thay thế. Nếu hãng xe của bạn đóng cửa sau vài năm thì nếu xe bạn hư một vài bộ phận, bạn coi như quăng luôn chiếc xe. Hãng xe không chỉ tồn tại lâu lăm, nó cần ăn nên làm ra và bán được nhiều xe cùng phiên bản bạn đang mua thì mới hi vọng nó còn có thể sản xuất đồ phụ tùng. Vì theo nguyên tắc số nhiều, khi lượng bán ra cho một phiên bản ít quá thì hãng xe không dại gì mà sản xuất các phụ tùng để hỗ trợ các dòng xe cũ vì tốn rất nhiều chi phí. Và như vậy, chỉ cần hãng xe không sản xuất phụ tùng nữa, chiếc xe bạn đi sẽ ngay lập tức rớt giá nhanh chóng, và nếu nó hư, bạn chỉ còn nước đem đi liệm.

Thứ ba là thị trường của xe. Bạn mua một chiếc xe và xem nó như một tài sản. Có thể bạn muốn dùng nó đi suốt đời. Nhưng có thể chỉ sau vài năm bạn lại có ý định đổi một chiếc xe mới. Lúc này, nếu xe của bạn được ưa chuộng trên thị trường, được nhiều người biết đến và thích, đó là một điều may mắn. Đó có thể là hãng xe, thương hiệu xe, phiên bản xe, hoặc thậm chí là màu xe. Một số thị trường chuộng Honda hơn Ford, chuộng màu đen hoặc trắng hơn các màu khác, hoặc chuộng sedan hơn bán tải, v.v. Nếu bạn sở hữu chiếc xe mà thị trường chuộng thì bạn sẽ bán nó dễ dàng hơn

và ít bị mất giá hơn. Như vậy, bằng cách chọn được xe, tài sản của bạn sẽ trở nên là “linh hoạt hơn” (more liquid) hơn.

Yếu tố thứ tư đó là hệ thống sửa chữa và bảo trì. Ở một số nơi, khi mà đa số xe dùng số tay, thợ đã quen sửa xe số tay, nếu bạn chạy một xe số tự động, việc kiểm thợ để sửa rất khó và kiểm phụ tùng để thay thế cũng khó không kém. Một số loại xe có thể rẻ, như xe dùng diesel, nhưng khi kiểm phụ tùng thay thế thì phụ tùng rất đắt. Tương tự, mua một chiếc xe điện trong khi đa số thợ chỉ quen với việc sửa xe chạy nhiên liệu hoá thạch nó sẽ khiến bạn khó khăn hơn khi sửa. Đó cũng là một điểm yếu khi bạn muốn bán xe vì người khác không thích điểm yếu đó.

Yếu tố thứ năm, và cuối cùng, dĩ nhiên là vấn đề tài chính. Liệu hãng xe hay đại lý bán xe có các gói hỗ trợ tài chính nào.

—

Nhìn lại năm yếu tố trên, rõ ràng những người mua xe Vinfast rất mạo hiểm và ở thế bất lợi rất nhiều khi chọn mua xe từ hãng này. Với quá nhiều lỗi của những chiếc xe tung ra thị trường, sẽ đến một lúc nào đó, hãng xe buộc phải triệu hồi các xe để sửa các lỗi này. Chi phí triệu hồi có thể khiến hãng xe phải phá sản. Ngược lại, trong trường hợp mà hãng xe không triệu hồi để sửa chữa và rà soát các lỗi kỹ thuật, các tai nạn liên tục sẽ kéo uy tín của hãng xe xuống thấp, dẫn đến không thể thu hút các khách hàng mới. Một hãng xe không thể kéo thêm những khách hàng mới tất nó sẽ phải phá sản.

Phân tích như vậy để thấy rằng với chiến lược kinh doanh hiện có của mình, trước sau gì Vinfast cũng phá sản. Và việc những người mua xe bỏ ra một số tiền lớn để sở hữu xe như

một tài sản để rồi nó sẽ nhanh chóng mất giá chỉ sau vài năm
quả thật là một thảm hoạ cho họ.

17/12/2024

LÀM SAO ĐỨC ĐÃ PHÁ HUỖ NỀN KINH TẾ CỦA MÌNH, VÀ CÁCH ĐỂ SỬA CHỮA NÓ



DANIEL LACALLE

Kinh tế Đức từng là một cường quốc công nghiệp toàn cầu, nổi bật với khả năng phục hồi mạnh mẽ trong các thời kỳ khủng hoảng và đạt được mức tăng trưởng sản xuất ấn tượng trong các giai đoạn mở rộng.

Nền kinh tế Đức đã duy trì hoạt động công nghiệp mạnh mẽ, năng suất cao và tỷ lệ thất nghiệp cực kỳ thấp, qua đó góp phần tạo ra mức lương thực tế cao. Tuy nhiên, trong năm năm qua, nền kinh tế đã rơi vào trạng thái trì trệ, và GDP hiện nay thấp hơn 5% so với mức tăng trưởng mà xu hướng trước đại dịch đã dự báo, theo Bloomberg Economics. Điều đáng lo ngại hơn là họ ước tính có tới bốn điểm phần trăm trong số đó có thể là tổn thất lâu dài.

Mặc dù nhiều phân tích cho rằng nguyên nhân chính khiến nền kinh tế Đức yếu đi là do chi phí năng lượng cao và sự suy giảm của nền kinh tế Trung Quốc tác động đến xuất khẩu, nhưng thực tế vẫn đề lại phức tạp hơn rất nhiều.

Sự trì trệ của nền kinh tế Đức là do chính nước này tự gây ra.

Đức đã mắc phải sai lầm lớn đầu tiên vào năm 2012, khi các nhà lãnh đạo của nước này chấp nhận chẩn đoán từ cánh tả về cuộc khủng hoảng nợ châu Âu, trong đó đổ lỗi tất cả các vấn đề vào chính sách thắt lưng buộc bụng vốn không hề tồn tại. Đức đã lựa chọn chính sách lạm phát, và vào năm 2014, đã đồng ý với các chính sách tiền tệ và can thiệp mà từ trước đến nay luôn dẫn đến sự suy thoái của châu Âu. Chính phủ Đức và Ngân hàng Trung ương Đức (Bundesbank) miễn cưỡng đồng ý với việc mở rộng mạnh mẽ chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) và các mức lãi suất danh nghĩa âm, đồng thời để Ủy ban Châu Âu từ bỏ việc giám sát tình trạng nợ công quá mức và thông qua các gói “kích thích” nối tiếp nhau, như Kế hoạch Juncker hay thăm họa Next Generation EU. Tất cả những biện pháp này đã để lại khu vực đồng euro trong tình trạng trì trệ, với nợ công tăng cao và giờ đây là lạm phát. Người dân Đức phải gánh chịu mức lạm phát tích lũy hơn 20% trong vòng năm năm qua. Các chính trị gia đổ lỗi cho Ukraine và Putin, nhưng tất cả chúng ta đều biết đó là một lời biện minh vô lý. Sự gia tăng cung tiền và việc chi tiêu chính phủ không ngừng tăng lên đã làm suy giảm sức mua của đồng euro và thúc đẩy lạm phát. “Sự gia tăng cung tiền mạnh mẽ đã diễn ra trước đợt bùng phát lạm phát, và các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cung tiền mạnh hơn đã chứng kiến mức lạm phát cao rõ rệt” (Borio et al., 2023).

Các nhà kinh tế học theo trường phái Keynes cho rằng đồng euro yếu sẽ thúc đẩy xuất khẩu của Đức, nhưng đây là một huyền thoại. Những quốc gia dẫn đầu xuất khẩu gia tăng nhờ vào giá trị gia tăng cao, không phải chi phí thấp. Dù sao đi

nữa, tất cả các chính sách can thiệp mà Liên minh Châu Âu áp dụng sẽ chỉ để lại một đồng tiền yếu và một nền kinh tế còn yếu hơn nữa.

Sai lầm chết người thứ hai là chính sách năng lượng của Đức. Chi phí năng lượng cao không phải là điều không thể tránh khỏi. Chúng bắt nguồn từ chính sách năng lượng sai lầm, khi các chính trị gia Đức quyết định đóng cửa toàn bộ các nhà máy điện hạt nhân và chi hơn 200 tỷ euro để trợ cấp cho những công nghệ năng lượng không ổn định và thay vì giảm sự phụ thuộc vào than đá và lignite, lại tiếp tục duy trì chúng, trong khi chúng chiếm 25% sản lượng điện của Đức, theo AGEB 2024. Trên thực tế, 77% nhu cầu năng lượng và 40% sản lượng điện của Đức đến từ các nguồn năng lượng hóa thạch. Các chính trị gia Đức cũng đã chấp nhận chương trình nghị sự của EU, cấm phát triển khí tự nhiên trong nước nhưng lại gia tăng nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng từ Mỹ, được sản xuất từ phương pháp khoan thủy lực. Thật thú vị. Hơn nữa, những khoản trợ cấp khổng lồ và chi phí điều tiết đã được cộng vào hóa đơn của người tiêu dùng, khiến hơn 60% giá điện mà người tiêu dùng phải trả đến từ chi phí điều tiết và thuế, bao gồm cả chi phí CO2, một loại thuế ngầm. Người Đức phải trả giá cao hơn cho năng lượng và vẫn phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch, vì chính phủ đã phá hủy khả năng tiếp cận khí tự nhiên giá rẻ từ Nga và thay thế bằng những lựa chọn đắt đỏ và không đáng tin cậy. Chỉ có một nhóm các chính trị gia mới có thể quyết định tham gia vào một cuộc chiến năng lượng và cấm các lựa chọn thay thế.

Sai lầm chết người thứ ba là việc chấp nhận những chính sách ngày càng gây hại từ Ủy ban Châu Âu và Nghị viện Châu Âu. Sự suy giảm của nền kinh tế Trung Quốc không khiến một

quốc gia xuất khẩu hàng đầu toàn cầu rơi vào tình trạng trì trệ, đặc biệt khi gã khổng lồ châu Á này vẫn tăng trưởng ở mức 5% mỗi năm. Một quốc gia xuất khẩu hàng đầu toàn cầu như Đức đã hoàn toàn có lý khi tự hào về một mạng lưới sản xuất cho phép ngành công nghiệp của mình phát triển nhờ vào các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, công nghệ tiên tiến và khả năng tiếp cận toàn cầu, giúp các công ty Đức bán hàng trên khắp thế giới và vượt qua mọi môi trường vĩ mô. Tuy nhiên, điều đã khiến nền công nghiệp từng hùng mạnh của Đức rơi vào tình trạng trì trệ và suy giảm, dù thế giới vẫn tăng trưởng mạnh mẽ, chính là sự kết hợp giữa các quy định quá mức, các yếu tố kìm hãm đổi mới sáng tạo, thuế cao, và việc theo đuổi chương trình nghị sự 2030 thảm hại, cấm xe động cơ đốt trong. Các chính trị gia đã phá hủy tiềm năng bán hàng của toàn bộ khu vực công nghiệp với một chính sách môi trường và quy định sai lầm. Các nhà hoạt động đã lợi dụng chương trình nghị sự 2030, tương chừng vô hại, để áp đặt một mô hình can thiệp và không hiệu quả, hủy hoại tất cả các ngành công nghiệp, nông nghiệp và nông thôn của Đức. Đạo luật phục hồi thiên nhiên (Nature Restoration Law), với các quy định khiến việc thực hiện các hoạt động trong ngành sơ cấp gần như trở nên không thể, càng làm trầm trọng thêm thiệt hại này.

Việc Liên minh Châu Âu dần dần áp đặt các quy định quá mức và các yếu tố kìm hãm đã khiến Đức mất đi một phần lớn vị thế dẫn đầu về công nghệ. Sự thống trị của Đức trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ đã được xây dựng trên một hệ thống mở, cạnh tranh cao và có tính phần thưởng, nhưng nay đã bị phá hủy bởi quan liêu và các quy định. Đức là một trong những quốc gia dẫn đầu thế giới về số lượng đơn đăng ký

sáng chế, nhưng lại tụt hậu so với Mỹ, và việc chuyển đổi các sáng chế thành doanh nghiệp thực tế là vô cùng kém.

Các chính trị gia Đức nói rằng tất cả những thách thức trên sẽ trở thành những điểm mạnh trong tương lai. Tôi nghi ngờ điều đó, vì thành tích dự đoán của họ là một chuỗi thất bại ngoạn mục. Điều Đức cần làm là từ bỏ chủ nghĩa lạm phát, chủ nghĩa can thiệp, và các hoạt động mang tính cách mạng hảo huyền. Nếu Đức thực hiện những thay đổi này, nền kinh tế của họ sẽ trải qua một sự tăng trưởng đáng kể.

Đức không gặp phải vấn đề về năng lực cạnh tranh hay nguồn nhân lực; vấn đề của Đức là vấn đề chính trị. Nếu từ bỏ chủ nghĩa can thiệp xã hội chủ nghĩa, Đức sẽ quay lại với xu hướng tăng trưởng và dẫn đầu của mình.

Nguồn: Daniel Lacalle, “How Germany Destroyed Its Economy, and How to Fix It,” Mises Institute, 16/12/2024.

Biên dịch: Phong trào Duy Tân.

CUỘC CHIẾN MỚI Ở TRUNG ĐÔNG



KARIM SADJADPOUR

Cuộc đối đầu về tầm nhìn giữa Saudi Arabia và Iran.

Có rất nhiều xung đột ở Trung Đông có thể thay đổi trật tự chính trị toàn cầu, nhưng cuộc đối đầu giữa hai cường quốc lớn nhất trong khu vực, Vương quốc Ả Rập Saudi và Cộng hòa Hồi giáo Iran, là cuộc xung đột có khả năng gây ra ảnh hưởng lớn nhất. Dù mối quan hệ giữa hai quốc gia này từng được xem là xung đột sắc tộc và giáo phái giữa người Sunni Ả Rập Saudi và người Shiite Iran, nhưng ngày nay, vấn đề chính đã chuyển sang sự đối lập về ý thức hệ. Cuộc đối đầu này tập trung vào những tầm nhìn chiến lược khác biệt của mỗi quốc gia—Tầm nhìn 2030 của Saudi Arabia và Tầm nhìn 1979 của Iran. Mỗi tầm nhìn này không chỉ ảnh hưởng đến chính sách nội bộ của quốc gia mà còn định hình cách thức các quốc gia này tương tác với thế giới bên ngoài.

Cả Iran và Saudi Arabia đều là những ông lớn trong ngành năng lượng, nắm giữ gần một phần ba trữ lượng dầu mỏ và một phần năm nguồn khí đốt tự nhiên toàn cầu. Tuy nhiên, họ được lãnh đạo bởi những người có tầm nhìn và kế hoạch khác biệt hoàn toàn. Thái tử Mohammed bin Salman (MBS)

của Saudi Arabia, 39 tuổi, muốn hiện đại hóa một quốc gia lâu nay vẫn chịu ảnh hưởng sâu sắc của chính thống Hồi giáo và giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng hóa thạch. Ông đã tạo ra Tâm nhìn 2030 để thực hiện mục tiêu này. Trong khi đó, lãnh tụ tối cao Iran, Ali Khamenei, 85 tuổi, vẫn kiên định với những nguyên lý của cuộc cách mạng Hồi giáo Iran. Dù không gọi kế hoạch của mình là “Tâm nhìn 1979”, tên gọi này vẫn có thể áp dụng, vì tâm nhìn của ông tập trung vào việc bảo vệ và duy trì chế độ thần quyền của Cách mạng Hồi giáo Iran.

Hai quốc gia này là đối thủ truyền kiếp với những mục tiêu không thể hòa giải. Tâm nhìn 2030 của Saudi Arabia hướng đến những khát vọng phát triển đất nước, trong khi Tâm nhìn 1979 của Iran lại khai thác những bất mãn và uất ức trong lịch sử. Tâm nhìn 2030 tìm kiếm một liên minh an ninh với Hoa Kỳ và sự bình thường hóa quan hệ với Israel, trong khi Tâm nhìn 1979 lại phản đối Hoa Kỳ và theo đuổi việc xóa bỏ Israel. Tâm nhìn 2030 thúc đẩy sự tự do xã hội, trong khi Tâm nhìn 1979 lại gắn liền với sự kìm hãm xã hội và kiểm soát chặt chẽ các quyền tự do cá nhân.

Mặc dù cả hai quốc gia này đều có sự nghi ngờ sâu sắc đối với nhau, nhưng ít có khả năng họ sẽ đối đầu trực tiếp. Vào năm 2023, Iran và Saudi Arabia đã đạt được một thỏa thuận bình thường hóa quan hệ, làm giảm căng thẳng giữa hai bên. Thách thức lớn nhất mà cả hai phải đối mặt không phải là chiến tranh trực tiếp, mà là việc giải quyết những vấn đề nội bộ. Và tại đây, cả hai quốc gia đều có rất nhiều vấn đề nghiêm trọng cần giải quyết.

Vấn đề của Cộng hòa Hồi giáo Iran rất rõ ràng. Iran hiện đang đối mặt với tình trạng khủng hoảng về kinh tế và kiệt

quê về ý thức hệ, giống như Liên Xô vào giai đoạn cuối. Quốc gia này phải dựa vào sự tàn bạo và đàn áp để duy trì quyền lực. Tuy nhiên, ngoài biên giới, Iran lại mạnh mẽ hơn bao giờ hết trong lịch sử hiện đại. Các lực lượng và nhóm vũ trang do Iran hậu thuẫn hiện đang chi phối bốn quốc gia Ả Rập đang rơi vào tình trạng khủng hoảng — Iraq, Liban, Syria và Yemen — cùng với Dải Gaza. Iran cũng có ảnh hưởng lớn đối với nhiều vấn đề an ninh toàn cầu, bao gồm phổ biến vũ khí hạt nhân, cuộc chiến của Nga ở Ukraine, an ninh mạng, chiến dịch thông tin sai lệch và việc sử dụng tài nguyên năng lượng như một công cụ chiến tranh.

Những khó khăn của Saudi Arabia không dễ dàng nhận thấy ngay lập tức. Hiện tại, Thái tử Mohammed bin Salman (MBS) dường như nhận được sự ủng hộ rộng rãi nhờ vào việc dỡ bỏ các hạn chế xã hội và nền kinh tế mạnh mẽ của đất nước. Tuy nhiên, thành công của Tâm nhìn 2030 chắc chắn sẽ phụ thuộc vào tính khả thi của các dự án khổng lồ mà nó triển khai, và sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức, từ kỳ vọng công chúng cao ngất, sự biến động của giá dầu, tham nhũng, cho đến vấn đề đàn áp. Ngoài ra, Tâm nhìn 2030 cũng sẽ bị thử thách bởi các lực lượng phản đối, vốn vẫn có một bộ phận lớn dân số bảo thủ trong nước, những người không hài lòng với các quyết định của MBS và có thể gây ra những vấn đề nghiêm trọng cho chính phủ của ông. Chính vì vậy, Tâm nhìn 2030 là một kế hoạch mạo hiểm, vừa có thể mang lại thành công rực rỡ, vừa có thể thất bại nặng nề.

Liệu các quốc gia này có thể duy trì được tầm nhìn của mình hay không vẫn chưa rõ. Tuy nhiên, điều chắc chắn là vận mệnh của hai tầm nhìn này — một tầm nhìn thúc đẩy sự thay đổi, một tầm nhìn khác lại được định hình bởi sự kháng cự —

sẽ có những ảnh hưởng sâu rộng, vượt ra ngoài biên giới của mỗi quốc gia. Những tầm nhìn này không chỉ quyết định liệu Trung Đông có trở nên thịnh vượng và ổn định hơn hay không, mà còn có tác động lớn đến sự thịnh vượng và ổn định của cả thế giới.

DI SẢN CỦA NĂM 1979

Các quan chức Saudi Arabia thích kể một câu chuyện về đất nước của họ và Iran. Vào cuối những năm 1960, Shah Mohammed Reza Pahlavi, nhà cai trị hiện đại hóa của Iran, đã viết thư cho Vua Faisal của Saudi Arabia. Pahlavi nói với Faisal rằng ông cần phải cải cách xã hội Saudi Arabia, nếu không có thể ông sẽ bị lật đổ.

Vua Faisal mạnh mẽ phản đối. Trong thư trả lời, Faisal cho rằng chính Pahlavi, với tầm nhìn thế tục và mang ảnh hưởng châu Âu đối với xã hội, mới là người thực sự gặp nguy cơ bị lật đổ. “Majesty, tôi xin nhắc nhở ngài, ngài không phải là Shah của Pháp,” Vua Faisal viết, và thêm vào đó: “Dân số của ngài 90% là người Hồi giáo. Xin đừng quên điều đó.” Vua Faisal đã đúng. Trong cuộc cách mạng Iran năm 1979, những người biểu tình đã lật đổ Pahlavi và biến Iran từ một chế độ quân chủ đồng minh với Mỹ thành một chế độ thần quyền chống Mỹ. Mặc dù có một liên minh đa dạng các lực lượng chống lại Shah, nhưng người lãnh đạo cuộc cách mạng, Ayatollah Ruhollah Khomeini, 76 tuổi, đã nhận thức được rằng ảnh hưởng chính trị và văn hóa phương Tây là mối đe dọa tồn vong đối với Iran và nền văn minh Hồi giáo. “Tất cả những gì họ dùng để làm biến chất giới trẻ của chúng ta đều là quà tặng từ phương Tây,” vị giáo sĩ nói. “Kế hoạch của họ là tìm cách làm hư hỏng cả nam lẫn nữ chúng ta, làm hỏng họ và do đó ngăn cản sự phát triển nhân bản của họ.”

Khomeini qua đời một thập kỷ sau đó, nhưng người kế nhiệm ông, Ali Khamenei, đã duy trì tầm nhìn của ông.

Như một sự trùng hợp, năm 1979 cũng là một năm bước ngoặt đối với Saudi Arabia. Các phần tử cực đoan Hồi giáo, tin rằng gia đình hoàng gia Saudi đã lạc lối và không còn đi đúng con đường Hồi giáo thực thụ, đã chiếm Đền thờ Hồi giáo lớn ở Mecca, khiến chế độ quân chủ Saudi rơi vào cuộc khủng hoảng sinh tử. Lo sợ sẽ gặp phải số phận như Shah Iran, chính phủ Saudi đã từ bỏ các nỗ lực hiện đại hóa và chuyển hướng một lượng lớn tài nguyên cho các lực lượng phản động cả trong nước lẫn ngoài nước. Đất nước này đã trao quyền cho các giáo sĩ cực đoan kiểm soát ngành giáo dục và tư pháp, mở rộng lực lượng cảnh sát đạo đức, đóng cửa các rạp chiếu phim và thực thi phân biệt giới tính nghiêm ngặt trong các trường học và không gian công cộng. Khi xuất khẩu các chính sách này, một phần với sự khuyến khích của Mỹ nhằm chống lại cuộc xâm lược của Liên Xô vào Afghanistan, Saudi Arabia đã chi hàng chục tỷ đô la để tài trợ cho hàng nghìn nhà thờ Hồi giáo và các nhóm jihadi, những nhóm này sau đó trở thành tiền thân của Taliban và al-Qaeda.

Các chính sách này kéo dài suốt 20 năm. Tuy nhiên, các cuộc tấn công ngày 11 tháng 9 vào Mỹ năm 2001 —khi có đến 15 trong số 19 kẻ không tặc là công dân Saudi Arabia — cùng với những vụ đánh bom đẫm máu của al-Qaeda ở Riyadh vào năm 2003 đã buộc Saudi Arabia phải điều chỉnh lại chiến lược. Cả hai vụ tấn công này đã phơi bày một thực tế nghiệt ngã: chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan, vốn từng được coi là một tài sản, nay đã trở thành một mối đe dọa sâu sắc đối với sự ổn định của vương quốc. Chính phủ Saudi vì thế đã cố gắng ngừng tài trợ cho các phong trào cực đoan ở bên ngoài, đồng

thời triển khai một chiến dịch chống cực đoan hóa tôn giáo trong nước. “Chúng tôi cố gắng biến mỗi tù nhân từ một thanh niên muốn chết thành một thanh niên muốn sống,” Thái tử Mohammed bin Nayef, người từng là một trong những kiến trúc sư chính của chiến lược chống khủng bố của Saudi, phát biểu vào năm 2007.

Tuy nhiên, phải đến hơn một thập kỷ sau, khi MBS bắt đầu lên nắm quyền, Saudi Arabia mới thực sự bắt đầu quá trình chuyển mình rộng lớn và mang tính quốc tế của mình. Là một trong số hơn một chục người con của Vua Salman, MBS nhận thấy rằng ban lãnh đạo Saudi đang già nua và quá phụ thuộc vào dầu mỏ, trong khi lại xa rời thế hệ trẻ của đất nước. Ông lo ngại rằng Saudi đang tụt lại phía sau Qatar và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE), những quốc gia đang nỗ lực trở thành trung tâm vận tải và thương mại với ảnh hưởng mạnh mẽ trong các lĩnh vực kinh doanh, giải trí, thể thao và truyền thông. Để đổi phỏ, MBS đã đưa ra Tâm nhìn 2030, một kế hoạch nhằm mở cửa nền kinh tế, loại bỏ các hạn chế Hồi giáo, đa dạng hóa nền kinh tế không chỉ phụ thuộc vào dầu mỏ và xây dựng một bản sắc quốc gia mới.

Tài liệu nền tảng của Tâm nhìn 2030 tập trung vào ba mục tiêu chính: “Một xã hội năng động, một nền kinh tế thịnh vượng và một quốc gia đầy tham vọng.” Kể từ khi được triển khai, Tâm nhìn này đã thúc đẩy nhiều thay đổi chính sách đáng kể. Từ năm 2018, phụ nữ Saudi Arabia đã được quyền lái xe và đi lại mà không cần sự cho phép của người giám hộ nam. Họ cũng gia nhập lực lượng lao động ngày càng đông đảo, kể cả ở những vị trí cao trong chính phủ. Chính phủ Saudi đã đầu tư hàng chục tỷ đô la vào các dự án xây dựng trung tâm dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ tiên tiến

khác. Ngoài ra, việc thúc đẩy ngành giải trí dành cho giới trẻ, chiếm gần hai phần ba dân số dưới 30 tuổi, cũng được đặc biệt chú trọng với các sự kiện như đua xe F1, các giải đấu đấu vật và việc chiêu mộ những ngôi sao bóng đá nổi tiếng như Cristiano Ronaldo. Các quy định mới về du lịch cũng đã được áp dụng để khuyến khích du khách quốc tế khám phá Saudi Arabia và tạo ra nguồn thu nhập cho quốc gia.

Tuy nhiên, những nỗ lực này vẫn đạt được kết quả không đều. Saudi Arabia vẫn là một trong những nền kinh tế lớn phát triển nhanh nhất thế giới trong những năm gần đây, với sự tăng trưởng rõ rệt ở các lĩnh vực không phải dầu mỏ. Tuy nhiên, con số tăng trưởng này vẫn còn phụ thuộc nhiều vào giá dầu. Bên cạnh đó, Bộ Đầu tư Saudi Arabia cho biết đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã tăng hơn 150% từ năm 2017 đến 2023. Tuy nhiên, một doanh nhân Saudi lại chia sẻ với tôi rằng: “FDI ngoài dầu mỏ thực sự chưa có sự thay đổi lớn.”

HAI NGƯỜI, HAI TÂM NHÌN

Tâm nhìn 1979 và Tâm nhìn 2030 phản ánh tính cách của hai nhân vật quyền lực nhất Trung Đông hiện nay: Ali Khamenei và Mohammed bin Salman (MBS). Dù đều là những người có ảnh hưởng lớn, nhưng họ có những tâm nhìn và phong cách lãnh đạo hoàn toàn khác biệt: tâm nhìn của Khamenei dựa trên những bất mãn lịch sử, trong khi tâm nhìn của MBS là những tham vọng hiện đại. Sự khác biệt này thể hiện rõ qua mối quan hệ thù địch giữa họ. MBS gọi Khamenei là “Hitler mới của Trung Đông,” trong khi Khamenei gọi MBS là “tội phạm” và cảnh báo rằng “sự thiếu kinh nghiệm” của Thái tử sẽ dẫn đến sự sụp đổ của Saudi Arabia.

Cả hai đều có xuất thân đặc biệt. Khamenei sinh ra trong một gia đình giáo sĩ nghèo, học tại một trường Hồi giáo Shiite và trưởng thành như một nhà cách mạng, trong đó có thời gian là tù nhân chính trị. Nếu không có cuộc Cách mạng Iran, ông có thể chỉ là một giáo sĩ bình thường. Tuy nhiên, cách mạng đã đưa ông lên nắm quyền, trở thành Tổng thống vào năm 1981 và Lãnh tụ Tối cao vào năm 1989. Sự cảnh giác tột độ của ông, xuất phát từ nỗi lo sợ sâu sắc, là một trong những yếu tố giúp ông duy trì quyền lực lâu dài. Mặc dù Iran phải đối mặt với sự bất mãn rộng rãi và khủng hoảng vĩnh viễn từ bên ngoài, Khamenei vẫn kiên định với lý tưởng cách mạng của người thầy Khomeini. Những khẩu hiệu như “Chết cho Mỹ, Chết cho Israel” và việc bắt buộc phụ nữ phải đội khăn che đầu vẫn là một phần không thể thiếu trong Tâm nhìn 1979 của Iran.

Trong khi đó, MBS có một xuất thân hoàn toàn khác. Ông sinh ra trong sự giàu có, là con trai của Vua Salman bin Abdulaziz, một trong những người giàu nhất thế giới. MBS, dù sinh sau năm 1979, đã từng nói rằng chủ nghĩa cực đoan bùng phát năm đó đã “cướp đi” bản chất thật của Hồi giáo. Ông mong muốn đất nước mình hướng tới sự hiện đại thay vì những hy sinh cực đoan. “Chúng tôi sẽ không lãng phí 30 năm cuộc đời để đối phó với những ý tưởng cực đoan,” MBS tuyên bố. “Chúng tôi sẽ tiêu diệt chúng ngay hôm nay.” Tuy quyết đoán, MBS cũng mắc phải một số sai lầm nghiêm trọng, chẳng hạn vụ ám sát nhà báo Jamal Khashoggi năm 2018 và cuộc chiến tàn khốc ở Yemen. Tuy nhiên, Thái tử vẫn duy trì được sự ủng hộ mạnh mẽ từ giới trẻ Saudi và giữ vững động lực cho Tâm nhìn 2030.

Một sự khác biệt quan trọng giữa tầm nhìn của Saudi và Iran là về tự do xã hội. Người Iran trước đây thường coi thường các nước láng giềng vùng Vịnh, và Khomeini từng gọi gia đình Al Saud là “những kẻ chặn lạc đà ở Riyadh và những kẻ man rợ ở Najd.” Tuy nhiên, trong những năm qua, tình hình đã thay đổi. Saudi Arabia hiện nay đón tiếp các nghệ sĩ nổi tiếng thế giới, bao gồm cả những ca sĩ Iran mà âm nhạc của họ bị cấm trong nước. Hàng chục triệu người Iran giờ đây xem tin tức từ Iran International, một kênh truyền hình vệ tinh do Saudi Arabia tài trợ. Sau 35 năm cấm, Saudi Arabia đã mở lại các rạp chiếu phim vào năm 2018, và các ứng dụng mạng xã hội cũng được tự do sử dụng. Trong khi đó, Iran tiếp tục bắt giữ người nước ngoài, đặc biệt là công dân Iran có quốc tịch kép, làm con tin.

Điều này đặc biệt rõ rệt khi xét đến cách đối xử với phụ nữ. Phụ nữ Saudi, dù vẫn còn nhiều hạn chế, đã có những tiến bộ đáng kể dưới thời MBS. Họ không còn bị che giấu khỏi xã hội, và đã được phép tham gia vào nhiều lĩnh vực trước đây bị hạn chế. Còn ở Iran, phụ nữ đã đạt được nhiều thành tựu trong giáo dục và nghề nghiệp, nhưng hiện tại, họ đối mặt với nhiều hạn chế hơn so với trước Cách mạng Hồi giáo năm 1979. Sự bất bình này đã dẫn đến những cuộc biểu tình mạnh mẽ tại Iran trong giai đoạn 2022-2023, sau cái chết của Mahsa Amini, một phụ nữ 22 tuổi, khi bị cảnh sát giam giữ vì cáo buộc đội khăn che đầu không đúng cách.

SỨC MẠNH DẦU MỎ

Sự khác biệt lớn nhất giữa Tầm nhìn 2030 và Tầm nhìn 1979 là tác động của chúng đến nền kinh tế của mỗi quốc gia. Saudi Arabia đã sử dụng nguồn năng lượng dồi dào của mình để hỗ trợ tầm nhìn chiến lược, điều này khiến Saudi Arabia

trở nên giàu có hơn rất nhiều so với Iran ở hầu hết các chỉ số kinh tế. GDP của Saudi Arabia gấp đôi Iran, mặc dù dân số của họ chưa đến một nửa so với Iran. Tỷ lệ lạm phát hàng năm ở Iran luôn cao nhất thế giới, trong khi Saudi Arabia duy trì tỷ lệ lạm phát chỉ khoảng 2%. Riyadh có hơn 450 tỷ USD dự trữ ngoại tệ, gấp khoảng 20 lần so với Tehran.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng kinh tế kém cỏi của Iran, nhưng tất cả đều bắt nguồn từ Tâm nhìn 1979. Sự thù địch của Iran đối với phương Tây đã dẫn đến các lệnh trừng phạt nặng nề, làm tê liệt dự trữ ngoại tệ của Iran và khiến việc xuất khẩu dầu và khí đốt, hai mặt hàng chủ lực của quốc gia này, trở nên khó khăn. Trước Cách mạng năm 1979, Iran sản xuất gần sáu triệu thùng dầu mỗi ngày, với khoảng năm triệu thùng được xuất khẩu. Tuy nhiên, từ sau Cách mạng, sản lượng và xuất khẩu dầu của Iran giảm xuống chưa đến một nửa so với trước. Mặc dù Iran sở hữu trữ lượng khí đốt lớn thứ hai thế giới (chỉ sau Nga), nhưng họ không nằm trong top 15 quốc gia xuất khẩu khí đốt lớn nhất. Tehran cũng đã cố gắng sử dụng năng lượng làm vũ khí. Sau khi Nga xâm lược Ukraine, Iran đã cảnh báo các nước châu Âu đang thiếu năng lượng rằng “mùa đông đang đến”, nhằm gây áp lực để buộc các quốc gia này phải nhượng bộ về các yêu cầu hạt nhân của Iran.

Tuy nhiên, bi kịch lớn nhất của Tâm nhìn 1979 đối với Iran không phải là sự lãng phí tài nguyên thiên nhiên, mà là sự lãng phí nguồn lực con người. Theo thông tin từ Bộ Khoa học và Công nghệ Iran, vào năm 2014, có khoảng 150.000 người Iran ra nước ngoài mỗi năm, gây thiệt hại cho nền kinh tế tới 150 tỷ USD mỗi năm — con số lớn gấp bốn lần doanh thu dầu mỏ của Iran trong năm 2023. Trong khi đó, phần lớn

trong số 70.000 sinh viên Saudi học tập ở nước ngoài đều trở về khi kết thúc chương trình học. Tâm nhìn 2030 của Saudi Arabia coi nguồn nhân lực tài năng là tài sản quý giá, trong khi Tâm nhìn 1979 của Iran lại coi họ là một mối đe dọa.

Saudi Arabia đã đầu tư mạnh mẽ vào các kế hoạch đầy tham vọng để hiện đại hóa nền kinh tế, chẳng hạn như các dự án thành phố thông minh, bao gồm dự án Neom — một khu đô thị mới trong sa mạc, được kỳ vọng sẽ biến Saudi Arabia thành một trung tâm công nghệ toàn cầu và thúc đẩy sự đa dạng hóa nền kinh tế. Mặc dù cả hai chính phủ đều xây dựng những quốc gia giám sát chặt chẽ, nhưng sáng kiến và đầu tư công nghệ của Iran chủ yếu được sử dụng để đàn áp người dân, trang bị vũ khí cho các nhóm ủy nhiệm và tấn công kẻ thù.

TRẬT TỰ SO VỚI HỔN LOẠN

Tâm nhìn 2030 của Saudi Arabia rõ ràng đã vượt trội hơn Tâm nhìn 1979 của Iran trong việc thúc đẩy sự thịnh vượng kinh tế và hài lòng của công dân. Tuy nhiên, khi xét đến ảnh hưởng quốc tế, câu chuyện lại hoàn toàn khác. Các khoảng trống quyền lực và sự bất ổn kéo dài ở Trung Đông là mối đe dọa đối với Tâm nhìn 2030, nhưng lại là cơ hội cho Tâm nhìn 1979. Sự khác biệt này dễ hiểu. Tâm nhìn 2030 dựa vào việc xây dựng, trong khi Tâm nhìn 1979 lại hài lòng với việc phá hủy. Các cuộc xung đột và sự bất ổn, như nội chiến Lebanon, chiến tranh Iraq và Mùa xuân Ả Rập 2011, đã giúp thúc đẩy tham vọng của Iran, đồng thời tăng cường ảnh hưởng của Iran và làm gia tăng sự hỗn loạn trên khắp thế giới Ả Rập.

Mặc dù khảo sát cho thấy Saudi Arabia nhận được sự ủng hộ cao hơn Iran trong thế giới Ả Rập — bao gồm cả ở những

quốc gia mà Iran có ảnh hưởng mạnh nhất — nhưng nỗ lực của Riyadh trong việc đối phó với tham vọng của Tehran, dù là thông qua sức mạnh quân sự, ngoại giao mềm hay các biện pháp tài chính, phần lớn đều thất bại.

Trong hai thập kỷ qua, Iran và Saudi Arabia đã đứng ở hai phía đối lập trong các cuộc xung đột đẫm máu nhất tại Trung Đông. Hai quốc gia này đã ủng hộ các nhóm đối lập ở Iraq, Syria, Yemen, Lebanon và Palestine. Trong mỗi cuộc chiến, sức mạnh quân sự do Iran hậu thuẫn đều chiến thắng. Saudi Arabia phần lớn hoặc đã rút lui, hoặc thất bại. Một trong những thất bại đau đớn nhất là tại Yemen. Từ năm 2015 đến 2019, Riyadh đã chi hơn 200 tỷ USD cho một chiến dịch quân sự nhằm chống lại sự chiếm đoạt quyền lực của nhóm Houthi do Iran hỗ trợ. Chiến dịch này gây ra hàng chục nghìn cái chết cho dân thường, nhưng không làm suy yếu được lực lượng Houthi. Hiện nay, nhóm này không chỉ duy trì quyền lực mà còn gây tắc nghẽn thương mại toàn cầu, làm gián đoạn 200 tỷ USD giá trị giao dịch hàng hóa bằng cách quấy rối tàu thuyền trên Biển Đỏ (với lý do phản đối chiến tranh của Israel ở Gaza).

Là quốc gia duy nhất theo thể chế thần quyền, Iran coi chủ nghĩa cực đoan Hồi giáo là một tài sản. Hầu hết các nhóm cực đoan Shiite, từ Lebanon đến Pakistan, đều sẵn sàng chiến đấu vì lợi ích của Iran. Trong khi đó, các nhóm cực đoan Sunni, như al-Qaeda và ISIS, dù cũng là những kẻ thù của Israel và Hoa Kỳ, lại tìm cách lật đổ chính phủ Saudi Arabia, mặc dù nước này theo dòng Sunni. Thực tế, Iran đã chứng minh rằng họ sẵn sàng hợp tác với các nhóm cực đoan Sunni nếu có chung kẻ thù. Người đứng đầu al-Qaeda hiện tại, Saif al-Adel, đã sống ở Iran phần lớn thời gian trong suốt hai thập kỷ qua.

Israel là một trong những vấn đề quốc tế lớn nhất giữa hai quốc gia này. Tâm nhìn 2030 của Saudi Arabia mở cửa cho việc bình thường hóa quan hệ với Israel, trong khi Tâm nhìn 1979 của Iran lại hoàn toàn phản đối sự tồn tại của Israel. Iran là quốc gia duy nhất công khai ủng hộ cuộc tấn công của Hamas vào Israel vào ngày 7 tháng 10, 2023. Mặc dù chưa rõ Iran đã tham gia trực tiếp vào việc lập kế hoạch cho cuộc tấn công này, nhưng họ tài trợ phần lớn ngân sách quân sự cho Hamas. Các quan chức Mỹ cho rằng Iran “rộng rãi có trách nhiệm” trong vụ tấn công. Cuộc tấn công này đã làm chậm tiến trình, thậm chí có thể phá hủy thỏa thuận bình thường hóa quan hệ giữa Saudi Arabia và Israel.

NHỮNG NGƯỜI BẠN QUAN TRỌNG

Hai quốc gia bên ngoài có khả năng tác động lớn nhất đến tương lai của hai tâm nhìn này là Hoa Kỳ và Trung Quốc.

Tâm nhìn 2030 của Saudi Arabia cần Hoa Kỳ như một đồng minh, trong khi Tâm nhìn 1979 của Iran lại coi Mỹ là đối thủ. Tâm nhìn 2030 phụ thuộc vào sự hỗ trợ an ninh của Hoa Kỳ, trong khi Tâm nhìn 1979 không thể tồn tại nếu thiếu sự hỗ trợ kinh tế từ Trung Quốc. Khoảng 90% xuất khẩu dầu của Iran hiện nay được tiêu thụ bởi Trung Quốc. Vì vậy, Iran phụ thuộc rất nhiều vào Trung Quốc, và bất kỳ chiến lược nào của Hoa Kỳ nhằm đối phó với Iran trong vấn đề hạt nhân hay các tham vọng khu vực đều có thể phải tính đến hợp tác với Bắc Kinh. Mặc dù Trung Quốc và Mỹ có sự cạnh tranh toàn cầu, nhưng cả hai nước đều có những lợi ích chung tại khu vực: ổn định chính trị và tự do lưu thông thương mại cũng như năng lượng. (Ngược lại, Nga lại hưởng lợi từ sự bất ổn khu vực và biến động giá dầu.)

Tuy nhiên, Hoa Kỳ có nhiều điểm chung hơn với Saudi Arabia. Dù trước đây các nhà lãnh đạo tự do của Mỹ có thể còn nghi ngại về Saudi Arabia, nhưng sự cạnh tranh quyền lực giữa Mỹ và Trung Quốc, cùng với cuộc xâm lược của Nga vào Ukraine năm 2022, đã thay đổi nhận thức của Washington về vương quốc này. Một quốc gia từng bị coi là đối tác khó xử giờ đây lại trở thành một đồng minh quan trọng. Mục tiêu lịch sử của Mỹ trong việc đạt được thỏa thuận bình thường hóa quan hệ giữa Israel và Saudi Arabia, có thể được thực hiện dưới sự bảo trợ của một hiệp ước quốc phòng Mỹ-Saudi được Thượng viện thông qua, vẫn là một tham vọng quan trọng của bất kỳ chính quyền Mỹ nào trong tương lai, dù là của đảng Dân chủ hay Cộng hòa.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện tại, chi phí chính trị đối với Saudi Arabia khi bình thường hóa quan hệ với Israel có thể lớn hơn nhiều so với lợi ích từ một “ô an ninh” của Mỹ. Một cuộc khảo sát công chúng vào cuối năm 2023 cho thấy 95% người Saudi tin rằng Hamas không giết dân thường Israel trong vụ tấn công ngày 7 tháng 10, và 96% người Saudi đồng tình rằng các quốc gia Ả Rập nên ngay lập tức cắt đứt mọi mối quan hệ với Israel. Những cảm xúc này buộc MBS phải tăng yêu cầu đàm phán, trong đó ông tuyên bố rằng Riyadh sẽ không thiết lập quan hệ ngoại giao với Israel trước khi có sự thành lập của một quốc gia Palestine. MBS dù là một nhà độc tài, nhưng ông không thể phớt lờ dư luận của người dân. Hơn nữa, điều này cũng gợi nhớ đến Tổng thống Ai Cập Anwar Sadat, một nhà độc tài, người đã bị ám sát sau khi bình thường hóa quan hệ với Israel.

Tuy vậy, vẫn có lý do để tin rằng Saudi Arabia sẽ đạt được một thỏa thuận với Mỹ và Israel. Dù Saudi Arabia có mối

quan hệ thương mại mạnh mẽ với Trung Quốc và tình bạn với Nga, nhưng họ chỉ có thể dựa vào Hoa Kỳ để bảo vệ mình khỏi các mối đe dọa bên ngoài. Đây là điều vô cùng cần thiết đối với Saudi Arabia. Các cuộc tấn công của Iran vào cơ sở Saudi Aramco vào tháng 9 năm 2019 đã phơi bày mức độ dễ bị tổn thương của vương quốc này và tầm nhìn 2030 của họ. Nếu không có bảo đảm an ninh từ Mỹ, Saudi Arabia có thể sẽ chi hàng trăm tỷ đô la để xây dựng Neom, một dự án sẽ có diện tích gấp 33 lần New York City. Tuy nhiên, Iran và các lực lượng ủy nhiệm có thể phá hủy dự án này chỉ trong vài ngày bằng tên lửa và máy bay không người lái giá rẻ.

NGUY CƠ ĐẾN TỪ HY VỌNG

Iran thường xuyên được liệt vào danh sách các quốc gia bất ổn nhất thế giới. Trong 15 năm qua, quốc gia này đã trải qua ba cuộc nổi dậy lớn — vào các năm 2009, 2019 và 2022 — vốn đã dẫn đến hàng triệu người dân túa ra đường để biểu tình. Tuy nhiên, Khamenei là một trong những nhà độc tài tại vị lâu nhất thế giới, cầm quyền từ năm 1989 đến nay, và chính quyền này đã nhiều lần vượt qua các dự đoán về sự sụp đổ sớm của mình. Lịch sử cho thấy, dù có vẻ nghịch lý, các chế độ độc tài cách mạng thường bền vững hơn các chế độ quân chủ hiện đại hóa nhanh chóng.

Các nhà khoa học chính trị Steven Levitsky và Lucan Way đã viết rằng các chế độ cách mạng, được hình thành từ “cuộc đấu tranh lâu dài, mang tính ý thức hệ và bạo lực,” thường tồn tại lâu dài vì chúng tiêu diệt các trung tâm quyền lực độc lập, tạo ra các đảng cầm quyền thống nhất và thiết lập sự kiểm soát chặt chẽ với các lực lượng an ninh mạnh mẽ. Tại Iran, cả ba yếu tố này đều hiện diện, giúp bảo vệ nước này khỏi các cuộc đảo lộn của các nhóm tinh hoa cũng như các

cuộc đảo chính quân sự. Đến nay, chính quyền Iran vẫn liên tục đàn áp các cuộc biểu tình lớn.

Lịch sử cũng cho thấy các cuộc nổi dậy thành công thường không xảy ra ở các quốc gia đang phải đối mặt với tình trạng đói nghèo lâu dài như Iran, mà thường xuất phát từ những nơi mà mức sống được cải thiện tạo ra kỳ vọng cao hơn. Nhà xã hội học Eric Hoffer từng viết: *“Không phải nổi khổ thực sự, mà là cảm giác về việc có thể đạt được những điều tốt đẹp hơn khiến người ta nổi dậy.”*

Bên cạnh đó, cải cách chính trị cũng có thể tạo ra đà thay đổi đột ngột, điều mà Iran đã tránh xa trong suốt nhiều thập kỷ qua. Machiavelli từng cảnh báo rằng việc *“điều hành và dẫn dắt sự thay đổi”* luôn đầy rủi ro và không chắc thành công. Vì vậy, Khamenei — một người học hỏi từ sự sụp đổ của Liên Xô — vẫn kiên định với các nguyên tắc cách mạng từ năm 1979, tin rằng làm mềm mỏng các nguyên tắc này sẽ dẫn đến sự sụp đổ của Cộng hòa Hồi giáo.

BÀI HỌC LỊCH SỬ VÀ NGUY CƠ NỘI BỘ

Đối với MBS, bài học lớn nhất từ lịch sử có thể là câu chuyện của Shah Pahlavi, nhà lãnh đạo Iran hiện đại hóa từng mất lòng các nhóm ủng hộ quan trọng như giáo sĩ, các thương nhân và các tầng lớp trí thức — những người sau đó đã âm mưu lật đổ ông. Lịch sử cũng chỉ ra rằng các bài học này không hoàn toàn rõ ràng. Sử gia Abbas Milani trong cuốn tiểu sử về Shah Pahlavi chỉ ra rằng ông quá độc tài trong những thời điểm không cần thiết và lại không đủ mạnh mẽ khi cần thiết.

Nỗi lo lớn nhất đối với các tầng lớp tinh hoa Saudi không phải là các cuộc nổi dậy như cuộc Cách mạng Iran năm 1979,

mà là các âm mưu lật đổ bên trong, một điều có tiền lệ trong lịch sử của vương quốc này. Vào tháng 3 năm 1975, Vị Vương Faisal, một nhà cải cách hiện đại, đã bị ám sát bởi chính người cháu trai của mình. Điều này xuất phát từ sự trả thù liên quan đến cái chết của người anh trai của kẻ ám sát — một nhà Hồi giáo — người đã chết khoảng một thập kỷ trước khi phản đối việc giới thiệu truyền hình ở Saudi Arabia.

MBS đã khẳng định vai trò của mình trên sân khấu chính trị và làm thay đổi mạnh mẽ cơ cấu lãnh đạo trong nước. Ông đã dập tắt sức mạnh của các tầng lớp hoàng gia và tiến hành nhiều động thái mạnh mẽ như việc bắt giữ hàng trăm doanh nhân nổi tiếng tại khách sạn Ritz-Carlton vào năm 2017 trong một sự kiện được truyền thông gọi là “*sheikhdownt*”. Động thái này được cho là đã thu hồi hơn 100 tỷ USD tài sản.

Dù vậy, MBS có thể đang rơi vào bẫy mà các nhà độc tài thường gặp phải. Để tránh các thách thức nội bộ, các nhà độc tài thường ưu tiên lòng trung thành thay vì năng lực khi bổ nhiệm các cố vấn, tạo ra một vòng lặp thông tin sai lệch và nguy hiểm. Shah Pahlavi cũng rơi vào tình trạng tương tự. Ông từng bị cách ly bởi các cố vấn nịnh nọt, những người che đậy thông tin quan trọng và khiến ông không nhận ra cơn giận dữ lan rộng trong xã hội.

Một cố vấn của MBS, từng là nhà lãnh đạo của một quốc gia châu Âu, đã thẳng thắn tiết lộ trong một cuộc trò chuyện rằng thời gian càng dài, niềm tin của MBS vào bản thân càng lớn và ông càng ít lắng nghe các lời chỉ trích mang tính xây dựng.

Điều này có thể tạo ra rủi ro tiềm ẩn trong tương lai, khi MBS ngày càng xa rời sự thực tế và mất cảnh giác trước các thách thức tiềm ẩn bên trong đất nước.

MBS (Mohammed bin Salman) đang đối mặt với nhiều rủi ro khác. Các cải cách tư pháp ở Saudi Arabia vẫn còn tụt lại so với các cải cách kinh tế và xã hội (cũng như các tiêu chuẩn quốc tế). Việc đào tạo một thế hệ luật sư và thẩm phán thế tục mới ở Saudi là một quá trình tốn nhiều công sức hơn so với việc thuê các chuyên gia nước ngoài để cải tổ nền kinh tế và xây dựng các thành phố tương lai. Nhiều đàn ông Saudi cảm thấy tức giận khi mất quyền kiểm soát đối với phụ nữ. Sự tiến bộ không đồng đều này — cải cách kinh tế và xã hội diễn ra nhanh chóng mà không có cải cách chính trị tương ứng — có thể dẫn đến bất ổn. Như Samuel Huntington đã cảnh báo trong cuốn *Political Order in Changing Societies (Trật Tự Chính Trị Trong Những Xã Hội Đang Thay Đổi)*, sự bất ổn chính trị thường xảy ra khi có “thay đổi xã hội nhanh chóng và sự huy động nhanh chóng các nhóm mới vào chính trị, trong khi các thể chế chính trị phát triển chậm.”

Hiện tại, MBS vẫn mạnh mẽ và dường như được lòng dân. Mặc dù việc khảo sát công khai ở Saudi Arabia rất hiếm, một cuộc khảo sát vào tháng 11 năm 2023 cho thấy đa số người dân Saudi tin tưởng vào chính phủ của ông. Ngược lại, một cuộc khảo sát gần đây ở Iran cho thấy hơn 90% công dân cảm thấy không hài lòng hoặc tuyệt vọng. Việc MBS nhắm vào các doanh nhân nổi bật vì tham nhũng, cắt giảm quyền lợi của gia tộc hoàng gia, giam giữ các giáo sĩ bảo thủ và giảm quyền lực của cảnh sát tôn giáo đã giúp ông có được sự ủng hộ nhất định. Tuy nhiên, MBS cũng đã đàn áp các nhóm có thể là đối tượng ủng hộ tự nhiên của ông, chẳng hạn như

các nhà dân chủ Saudi, bao gồm cả Khashoggi và nhà hoạt động quyền phụ nữ Loujain al-Hathloul. Điều này có thể phản tác dụng. Mohammed al-Yahya, một quan chức cấp cao của Bộ Ngoại giao Saudi và là bạn của Khashoggi, đã cảnh báo sau vụ giết Khashoggi: “Cải cách xã hội và kinh tế quá nhanh có thể gặp rủi ro thất bại nếu không có sự thay đổi đồng thời trong hệ thống pháp lý và thủ tục hành chính.”

Vụ ám sát Khashoggi không còn là vấn đề lớn ở trong nước Saudi, nhưng nó vẫn ảnh hưởng đến hình ảnh của MBS ở phương Tây. Những người chỉ trích ông mạnh mẽ nhất ở bên ngoài, giống như những người chỉ trích Shah (vua Iran), là các nhà tự do phương Tây, nhiều người trong số họ so sánh ông với nhà độc tài Saddam Hussein. Vào năm 2020, Thượng nghị sĩ Mỹ Bernie Sanders đã gọi lãnh đạo Saudi là “những kẻ tội phạm giết người” và cho rằng chế độ này là “một trong những quốc gia nguy hiểm nhất trên thế giới.”

Tuy nhiên, trong nội bộ Saudi Arabia, nhóm có khả năng thách thức quyền lực của MBS không phải là những người tự do, những người cho rằng ông không dân chủ, mà là các phần tử Hồi giáo cực đoan, những người cho rằng ông quá tự do. Như tác giả David Rundell đã viết: “Nếu một chính phủ kế nhiệm lên nắm quyền qua bầu cử, nó sẽ gần như chắc chắn là một chế độ dân túy Hồi giáo... Nếu chính phủ mới lên nắm quyền bằng bạo lực, thì khả năng cao là một tổ chức jihad như ISIS hoặc al-Qaeda.”

Mặc dù MBS đang cố gắng tái thiết lại đất nước và hạn chế ảnh hưởng của chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan, ông vẫn chưa thể loại bỏ hoàn toàn những lực lượng này. MBS đã “nhốt những người Wahhabi vào trong lồng,” như nhà văn Saudi Ali Shihabi đã mô tả, ám chỉ tới trường phái Hồi giáo cực đoan

của đất nước. Tuy nhiên, giống như Taliban đã kiên nhẫn chờ đợi trong suốt hai thập kỷ ở Afghanistan, các phần tử Hồi giáo cực đoan ở Saudi vẫn âm thầm hoạt động, nhưng chưa hoàn toàn biến mất. Trong một cuộc phỏng vấn với *The Economist*, một nhà bình luận tôn giáo Saudi đã so sánh các đối thủ Hồi giáo của MBS như những con kiến xây dựng một vương quốc ngầm. “Hoàng tử đã bịt miệng họ,” ông nói, “nhưng ông chưa thể xóa bỏ vương quốc của họ.”

VOI TRẮNG VÀ THIÊN NGA ĐEN

Trong suốt nửa thế kỷ qua, Trung Đông luôn làm thất bại những dự đoán của các chuyên gia. Các quyết định của những nhà độc tài và sự pha trộn biến động giữa đầu mỏ, tôn giáo và chính trị cường quốc đã khiến khu vực này trở thành nơi dễ xảy ra các sự kiện “thiên nga đen” – những sự kiện bất ngờ, có tác động lớn đến toàn cầu. Những sự kiện này bao gồm cuộc Cách mạng Iran năm 1979, cuộc xâm lược Kuwait của Iraq năm 1990, vụ tấn công khủng bố ngày 11 tháng 9 tại Mỹ, Mùa Xuân Ả Rập, sự trỗi dậy của Nhà nước Hồi giáo tại Iraq và Syria, và các cuộc tấn công vào Israel ngày 7 tháng 10.

Trong bối cảnh đó, tương lai của *Tầm nhìn 2030* và *Tầm nhìn 1979* sẽ phụ thuộc vào số phận của các nhà lãnh đạo Saudi và Iran, cũng như nhu cầu năng lượng toàn cầu để duy trì những tham vọng của họ. Nếu các dự án của MBS trở thành “voi trắng” – những kế hoạch tốn kém nhưng không hiệu quả – hoặc nếu giá đầu giảm kéo dài, sự bất mãn của công chúng có thể khiến thái tử Saudi phải đặt sự ổn định của chế độ lên trên các cải cách mang tính cách mạng. MBS còn trẻ nhưng rất tinh táo về những nguy cơ của quyền lực tuyệt đối, bao gồm những sức ép không lường trước đã khiến

các nhà độc tài trước đây sụp đổ. Chính trị của vua Shah Iran sụp đổ một phần cũng do ông giấu giếm căn bệnh ung thư giai đoạn cuối, điều này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyết định của ông trong các cuộc khủng hoảng.

Tại Iran, tương lai của Cộng hòa Hồi giáo và *Tâm nhìn 1979* cũng mờ mịt sau khi Khamenei, người lãnh đạo 85 tuổi, qua đời. Mặc dù có thể quyền lực sẽ được chuyển giao một cách suôn sẻ cho các giáo sĩ và lãnh đạo quân đội trung thành với lý tưởng cách mạng, nhưng cũng có khả năng Iran sẽ chuyển hướng sang một lãnh đạo ưu tiên lợi ích quốc gia và kinh tế hơn là bám víu vào học thuyết cách mạng. Một số người ủng hộ Mojtaba Khamenei, con trai của Khamenei, muốn so sánh ông với MBS của Saudi, nhưng những sự so sánh này hoàn toàn không thuyết phục. Tuy nhiên, nó cho thấy rằng ngay cả các nhà cách mạng trẻ ở Tehran cũng nhận ra rằng một tầm nhìn tiến bộ và hướng về tương lai sẽ thu hút hơn là một tầm nhìn quay về quá khứ.

Sự thành bại của những tầm nhìn này sẽ có ảnh hưởng sâu rộng đến toàn cầu. Một thế giới mà *Tâm nhìn 2030* thất bại, để lại nguồn tài nguyên năng lượng khổng lồ của Saudi và Iran vào tay những nhóm cực đoan Sunni và Shia, sẽ khiến khu vực Trung Đông và nền kinh tế toàn cầu trở nên bất ổn và nghèo nàn. Ngược lại, nếu Iran sau Khamenei ưu tiên phúc lợi và an ninh của người dân, Iran có thể trở thành một quốc gia G-20 và là một trụ cột của sự ổn định toàn cầu. Các thất bại của Mỹ ở Afghanistan và Iraq, cộng với sự thất bại của Mùa Xuân Ả Rập, đã xóa bỏ những ảo tưởng rằng Mỹ có thể tác động tích cực đến chính trị Trung Đông.

Cuối cùng, các lực lượng trong khu vực sẽ quyết định tầm nhìn nào sẽ thắng. Tuy nhiên, vì *Tâm nhìn 2030* muốn duy

trì trật tự thế giới tự do do Mỹ dẫn đầu, trong khi *Tâm nhìn* 1979 muốn lật đổ nó, Mỹ có lợi ích trong việc bảo đảm sự thành công của tâm nhìn thứ nhất và làm thất bại tâm nhìn thứ hai. Đồng thời, lợi ích kinh tế toàn cầu cũng đòi hỏi phải có các chính phủ ổn định và thịnh vượng ở cả Saudi và Iran, sống hòa bình với nhau và với chính mình.

Điều này có nghĩa là thế giới cần giúp đỡ người dân Iran vượt qua một chế độ áp bức ý thức hệ đã gây ra tình trạng trì trệ trong nước và bất ổn khu vực, đồng thời hỗ trợ Saudi Arabia trong việc thực hiện các cải cách chính trị để duy trì sự chuyển biến xã hội và kinh tế của quốc gia này. Kết quả tốt nhất cho Mỹ, Trung Đông và toàn cầu sẽ là hai tâm nhìn bên vững, đại diện và tiến bộ ở cả hai quốc gia. Kết quả tồi tệ nhất là hai chế độ quay về quá khứ, tiếp tục bám víu vào những mối hận thù cũ. Mặc dù đạt được kết quả tốt này không dễ dàng, nhưng hậu quả của kết quả tồi tệ sẽ là thảm họa.

—

Nguồn: Karim Sadjadpour, "[The New Battle for the Middle East](#)," *Foreign Affairs*, 22/10/2024.

Biên dịch: Phong trào Duy Tân.

SỰ CHẬM LẠI CỦA TRUNG QUỐC ĐÃ THAY ĐỔI CUỘC CHIẾN THƯƠNG MẠI



DANIEL H. ROSEN

REVA GOUJON

LOGAN WRIGHT

Mỹ hiện đang chiếm lợi thế – tuy nhiên, mức thuế quan tối đa của Trump sẽ vẫn còn tạo ra rủi ro.

Tình hình Trung Quốc mà Tổng thống đắc cử Donald Trump sẽ đối mặt vào năm 2025 sẽ khác biệt rõ rệt so với khi ông bắt đầu nhiệm kỳ vào năm 2017, hay ngay cả khi ông đàm phán một thỏa thuận thương mại vào cuối nhiệm kỳ. Lần đầu tiên trong hơn bốn thập kỷ, tỷ trọng của Trung Quốc trong nền kinh tế toàn cầu đang giảm dần. Tỷ lệ này đã đạt đỉnh trên 18% GDP toàn cầu vào năm 2021, nhưng hiện nay chỉ còn khoảng 16%.

Tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đã chậm lại đáng kể kể từ khi ngành bất động sản gặp khủng hoảng vào năm 2021 và các biện pháp hạn chế vì COVID-19 khiến nền kinh tế trì trệ vào năm 2022. Mặc dù nhu cầu tiêu dùng trong nước có phục hồi sau khi các hạn chế được dỡ bỏ vào cuối năm 2022, nhưng mức độ phục hồi vẫn rất hạn chế. Tăng trưởng GDP của Trung Quốc chỉ ghi nhận một sự cải thiện nhỏ, trong khi sự gia tăng mất cân đối thương mại và sự giảm giá trong nước cho thấy một bức tranh không mấy khả quan. Trung Quốc hiện vẫn là nền kinh tế phụ thuộc vào đầu tư: nước này là nguồn đầu tư lớn nhất thế giới (chiếm khoảng 28%) và sản lượng sản xuất công nghiệp lớn nhất (chiếm 35%), nhưng lại chỉ chiếm khoảng 12% tiêu dùng toàn cầu. Vì vậy, nền kinh tế Trung Quốc không thể tự tạo ra đủ nhu cầu để hấp thụ hết sản phẩm của mình. Để duy trì tăng trưởng, Trung Quốc càng phải phụ thuộc vào việc xuất khẩu các sản phẩm dư thừa không thể tiêu thụ trong nước. Tuy nhiên, Trung Quốc chỉ có thể gia tăng sự tăng trưởng tương đối nếu các quốc gia khác giảm đầu tư vào sản xuất hoặc nếu Trung Quốc mở rộng được thị phần xuất khẩu toàn cầu.

Viễn cảnh kinh tế suy yếu của Trung Quốc mang lại cho Hoa Kỳ cơ hội mới để kiểm chế Bắc Kinh. Washington có thể tận dụng ảnh hưởng của thị trường tiêu dùng và vốn của Mỹ, tạo ra một lựa chọn thay thế tốt hơn cho các đồng minh và đối tác, giúp họ tránh bị cạnh tranh mạnh mẽ bởi xuất khẩu của Trung Quốc. Trong bối cảnh lo ngại ngày càng tăng về sự thống trị của Trung Quốc đối với các chuỗi cung ứng toàn cầu, các quốc gia này có thể dễ dàng điều chỉnh chính sách của mình, bao gồm thuế quan và kiểm soát công nghệ, để phù hợp với chiến lược “giảm rủi ro” của Mỹ — nhằm giảm sự phụ thuộc vào Trung Quốc.

Tuy nhiên, nếu chính quyền Trump muốn thực hiện chiến lược này một cách hiệu quả, họ cần phải cân nhắc kỹ lưỡng về các kế hoạch thuế quan. Trump đã đề xuất thuế suất lên tới 60% đối với tất cả hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc và thuế 10% đối với hàng hóa từ các quốc gia khác. Tuy nhiên, việc áp thuế cao đối với tất cả các đối tác thương mại có thể gây ra phản ứng dây chuyền tiêu cực cho nền kinh tế phương Tây, làm tăng chi phí, giảm nhu cầu và làm chậm quá trình đa dạng hóa chuỗi cung ứng. Một giải pháp hợp lý hơn là áp dụng thuế có chọn lọc đối với những ngành quan trọng, nơi xuất khẩu của Trung Quốc đe dọa sức cạnh tranh của các ngành công nghiệp phương Tây. Đồng thời, Mỹ cần kết hợp chiến lược đầu tư để xây dựng và phát triển các chuỗi cung ứng quan trọng không có sự tham gia của Trung Quốc. Đây là cơ hội để Hoa Kỳ và các đối tác điều chỉnh lại hệ thống thương mại toàn cầu, đồng thời phục vụ các mục tiêu an ninh quốc gia của mình. Dù quyết định thế nào, sự gián đoạn kinh tế là điều không thể tránh khỏi, và Trung Quốc chắc chắn sẽ có động thái đáp trả. Tuy nhiên, phạm vi chiến lược thuế quan của chính quyền Trump lần thứ hai sẽ quyết định mức độ khó khăn của quá trình này.

SỨC HÚT ĐANG PHAI NHẠT

Nền kinh tế Trung Quốc hiện nay không còn mạnh mẽ như trước. Kể từ khi ngành bất động sản gặp khủng hoảng vào năm 2021, diện tích xây dựng bất động sản mới hàng năm đã giảm tới 66%. Điều này đã gây ảnh hưởng nặng nề đến các ngành khác như thép, xi măng, nội thất và thiết bị gia dụng, dẫn đến sự suy giảm mạnh trong chi tiêu tiêu dùng. Bên cạnh đó, đầu tư vào cơ sở hạ tầng của chính quyền địa phương, vốn đã bị ảnh hưởng bởi nợ công cao, cũng đã giảm đáng kể

trong những năm gần đây. Những tác động này sẽ còn kéo dài trong nhiều năm tới, không chỉ ở Trung Quốc mà còn ở các quốc gia phụ thuộc vào nhu cầu mạnh mẽ của Trung Quốc để xuất khẩu ô tô, hàng hóa và dịch vụ. Trung Quốc giờ đây phụ thuộc vào các thị trường nước ngoài nhiều hơn trước để bán các sản phẩm của mình, điều này khiến nền kinh tế của nước này dễ bị tổn thương trước thuế quan và các hạn chế xuất khẩu.

Tình hình thực tế của Trung Quốc có thể còn nghiêm trọng hơn so với những gì dữ liệu GDP chính thức cho thấy. Mặc dù số liệu kinh tế không thống nhất đã là vấn đề lâu nay ở Trung Quốc, từ năm 2022, việc tin vào các báo cáo chính thức của Bắc Kinh ngày càng trở nên khó khăn hơn. Dữ liệu chính thức cho thấy trong thời gian phong tỏa vì COVID-19, tăng trưởng chỉ giảm khoảng 2-3 điểm phần trăm so với trước đại dịch, đạt 3% vào năm 2022 và phục hồi mạnh mẽ lên trên 5% vào năm 2023. Tuy nhiên, với việc Bắc Kinh chưa thực hiện các cải cách cần thiết để duy trì một sự tăng trưởng như vậy, thực tế có thể là nền kinh tế Trung Quốc đã suy giảm vào năm 2022 và chỉ phục hồi rất chậm trong năm 2023.

Sự suy giảm mạnh này giải thích tại sao Bắc Kinh đã phải đưa ra các biện pháp kích thích kinh tế mạnh mẽ vào cuối năm 2024, bao gồm cắt giảm lãi suất, các chương trình trợ cấp đổi xe để thúc đẩy tiêu dùng trong nước, phát hành trái phiếu mới để giảm bớt gánh nặng nợ của chính quyền địa phương và cam kết hỗ trợ tài khóa nhiều hơn trong năm tới. Chính quyền Trung Quốc cũng đã thay đổi quan điểm từ chỗ khẳng định không có vấn đề gì với nhu cầu trong nước, sang thừa nhận mức độ nghiêm trọng của thiếu hụt, đặc biệt là trong tiêu dùng hộ gia đình. Tuy nhiên, việc chuyển đổi nền kinh tế

Trung Quốc khởi mô hình tăng trưởng dựa vào đầu tư sẽ không thể xảy ra nhanh chóng, và các biện pháp hỗ trợ cho các hộ gia đình cho đến nay khó có thể thúc đẩy tăng trưởng tiêu dùng bền vững.

Trong những năm gần đây, Trung Quốc đã mở rộng xuất khẩu sang các thị trường mới, đặc biệt là ở Đông Nam Á, nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào các quốc gia đơn lẻ, bao gồm cả Hoa Kỳ. Tuy nhiên, sự đa dạng hóa này chủ yếu mang tính hình thức, vì hàng hóa của Trung Quốc vẫn thường được chuyển qua các quốc gia trung gian trước khi đến tay người tiêu dùng ở Mỹ và châu Âu. Washington đã nhận thức được phương thức né tránh thuế quan này và có thể sẽ áp dụng các biện pháp mạnh mẽ hơn trong tương lai, như cấm nhập khẩu một số sản phẩm cụ thể.

Để chuẩn bị cho các biện pháp của Mỹ và tìm kiếm các thị trường tiềm năng hơn, các công ty Trung Quốc đã bắt đầu đầu tư ra nước ngoài, xây dựng nhà máy tại các quốc gia như Mexico và Việt Nam, nhằm xuất khẩu sang Mỹ mà không phải chịu thuế. Tuy nhiên, chiến lược này không chắc sẽ hiệu quả lâu dài khi các biện pháp hạn chế thương mại của Mỹ ngày càng chặt chẽ hơn. Thêm vào đó, nhiều công ty có vốn đầu tư nước ngoài tại Trung Quốc, chiếm 30% kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc, đang có kế hoạch chuyển sản xuất ra nước ngoài vì nhu cầu tiêu dùng trong nước yếu.

Về công nghệ, Mỹ đã vượt lên trong cuộc đua giành vị trí dẫn đầu các ngành công nghiệp chủ chốt. Kể từ khi thông qua Đạo luật CHIPS và Đạo luật Giảm Lạm phát vào năm 2022, Mỹ đã tăng cường năng lực sản xuất trong nước về công nghệ tiên tiến và đồng thời áp dụng các biện pháp mạnh mẽ nhằm hạn chế Trung Quốc tiếp cận công nghệ Mỹ qua kiểm soát

xuất khẩu và đầu tư. Khi Tổng thống Trump còn tại nhiệm, chính quyền của ông đã áp dụng các chính sách nhắm vào các công ty viễn thông Trung Quốc và đưa ra những tín hiệu mơ hồ về quyền tiếp cận của các công ty Mỹ vào thị trường Trung Quốc trong thỏa thuận thương mại Giai đoạn Một vào đầu năm 2020. Các công ty đa quốc gia đã hiểu rằng việc tách rời hoàn toàn chuỗi cung ứng công nghệ giữa Mỹ và Trung Quốc là điều khó xảy ra. Tuy nhiên, sau nhiều đợt kiểm soát xuất khẩu một cách chi tiết, hạn chế chuỗi cung ứng đối với các sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông, cùng với các biện pháp hạn chế đầu tư ra ngoài dưới cả hai chính quyền Trump và Biden, cũng như là việc thực thi các luật này một cách chặt chẽ, các công ty đang dần chuyển hướng đầu tư ra khỏi Trung Quốc.

QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI KHÓ KHĂN

Sự thay đổi này chỉ là một phần trong phản ứng toàn cầu đối với chính sách thương mại của Trung Quốc. Hiện nay, nhiều quốc gia không cần sự thuyết phục từ các nhà đàm phán của Trump để tham gia vào các sáng kiến giảm rủi ro của Mỹ. Sự suy giảm kinh tế của Trung Quốc và các mối lo ngại về an ninh quốc gia do phụ thuộc vào chuỗi cung ứng của Trung Quốc đã tạo ra động lực đủ mạnh cho sự thay đổi này. Chiến lược tăng trưởng của Trung Quốc mang tính đôi đầu và “một mất một còn”: thay vì thúc đẩy nhu cầu toàn cầu, Trung Quốc lại tìm cách chiếm lĩnh các thị trường quốc tế. Các quốc gia có ngành sản xuất tiên tiến, bị đe dọa bởi hàng hóa giá rẻ của Trung Quốc, và các nước đang phát triển muốn vươn lên trong chuỗi giá trị đều có lý do để hạn chế xuất khẩu từ Trung Quốc. Mối quan tâm chung này trước đây không tồn tại trong nhiệm kỳ đầu của Trump.

Sự suy giảm kinh tế của Trung Quốc không chỉ làm giảm sức hấp dẫn của thị trường Trung Quốc đối với các đối tác thương mại và nhà đầu tư quốc tế, mà còn tạo thêm lý do cho các quốc gia, đặc biệt là các nền kinh tế phát triển ở châu Âu, hợp tác với Mỹ trong việc áp thuế quan và kiểm soát xuất khẩu của Trung Quốc. Nếu không làm vậy, các sản phẩm Trung Quốc có thể tràn vào thị trường của họ, bởi thuế quan của Mỹ sẽ khiến hàng hóa này dạt qua các quốc gia khác. Một số nước trong nhóm G-7 đã bắt đầu xem xét áp thuế và các biện pháp bảo vệ để ngăn chặn tình trạng này.

Tuy nhiên, trong khi các quốc gia này điều chỉnh chuỗi cung ứng ra khỏi Trung Quốc, họ cũng phải đối mặt với một nền kinh tế toàn cầu mất cân đối. Như nhà kinh tế Brad Setser chỉ ra, hiện nay các nền kinh tế G-7 đang thâm hụt thương mại, trong khi Trung Quốc, Nga và nhiều quốc gia phụ thuộc vào hàng hóa có thặng dư thương mại. Điều này khiến chiến lược giảm rủi ro của Mỹ trở nên khó khăn. Mỹ và các đối tác sẽ cần phải xây dựng năng lực sản xuất mới để giảm sự phụ thuộc vào các đối thủ địa chính trị.

Nếu các quốc gia G-7 cố gắng thay đổi nhanh chóng cấu trúc kinh tế này bằng cách cắt giảm mạnh nhập khẩu, điều đó sẽ gây ra sự gián đoạn lớn. Trong ngắn hạn, các biện pháp này sẽ tác động đến mức sống ở các nền kinh tế phát triển và gây những ảnh hưởng chính trị đáng kể. Thuế quan cao đối với hàng hóa Trung Quốc sẽ làm giảm tính cạnh tranh của chúng tại Mỹ, đồng thời đẩy giá các sản phẩm tiêu dùng và linh kiện trung gian lên, khiến người tiêu dùng Mỹ phải chịu chi phí cao hơn hoặc làm giảm mức tiêu dùng của họ.

Khi thực hiện chiến lược này, quy mô là yếu tố quan trọng. Nếu chính quyền Trump áp dụng một chiến lược thuế quan

cao trên diện rộng, điều này có thể dẫn đến suy thoái kinh tế tại các quốc gia G-7. Các dự án sản xuất mới sẽ kém hấp dẫn đối với nhà đầu tư, gây khó khăn cho các nước này trong việc giảm rủi ro chuỗi cung ứng của họ và phục vụ các thị trường phát triển. Một lựa chọn hợp lý hơn có thể là áp dụng mức thuế vừa phải, như mức thuế 10% đối với hàng hóa Trung Quốc mà Trump đề xuất gần đây, điều này sẽ gây ít gián đoạn hơn.

Tốt hơn nữa là các mức thuế quan được thiết kế đặc biệt để thúc đẩy một chiến lược tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu, thay vì bắt đầu với một kế hoạch thuế và sau đó điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với kế hoạch đó. Với bất kỳ sự tăng thuế nào, sẽ có một giai đoạn điều chỉnh khó khăn khi giá cả tăng lên và nguồn cung bị căng thẳng, nhưng những vấn đề này sẽ giảm dần khi các nhà cung cấp thay thế cho sản phẩm Trung Quốc cuối cùng xuất hiện.

QUẢN LÝ RỦI RO

Mặc dù gặp khó khăn về kinh tế, Bắc Kinh vẫn có khả năng lớn để ngăn cản các nỗ lực của Mỹ nhằm thay đổi hướng đi của nền kinh tế toàn cầu khỏi Trung Quốc. Thông thường, thặng dư thương mại ngày càng tăng của Trung Quốc sẽ khiến đồng tiền của nước này tăng giá, làm giảm sức cạnh tranh của các mặt hàng xuất khẩu theo thời gian. Tuy nhiên, khả năng cao là đồng nhân dân tệ sẽ giảm giá trong những năm tới, do sự kết hợp của nhiều yếu tố, bao gồm sự mở rộng nhanh chóng của hệ thống tài chính và nguồn cung tiền trong nước của Trung Quốc kể từ cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, cùng với sự suy giảm lãi suất ở Trung Quốc so với Mỹ, điều này tạo ra dòng vốn chảy ra liên tục khỏi Trung Quốc. Có nghĩa là Bắc Kinh vẫn có thể làm cho hàng xuất

khẩu của Trung Quốc rẻ hơn bằng cách giảm can thiệp vào tỷ giá của ngân hàng trung ương, vốn được sử dụng để duy trì giá trị đồng nhân dân tệ.

Khi giá hàng hóa Trung Quốc giảm, việc đầu tư vào các chuỗi cung ứng sản xuất thay thế cho nguồn hàng từ Trung Quốc sẽ trở nên kém hấp dẫn hơn đối với Mỹ và các đối tác của nước này. Bắc Kinh đã chứng minh rằng họ sẵn sàng sử dụng can thiệp tỷ giá để trả đũa các mức thuế của Mỹ và bảo vệ các nhà sản xuất Trung Quốc: tính đến thời điểm này, đồng nhân dân tệ đã giảm hơn 2% kể từ cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ. Tuy nhiên, việc để đồng nhân dân tệ giảm giá quá nhanh có thể khiến dòng vốn chảy ra càng mạnh mẽ hơn, nhưng Bắc Kinh vẫn có thể sử dụng đồng tiền như một công cụ trả đũa các mức thuế trong ngắn hạn.

Trung Quốc cũng sẽ tận dụng sự bất mãn của các đối tác của Mỹ đối với các chính sách của chính quyền Trump để làm suy yếu mạng lưới đồng minh mà chính quyền Biden đã xây dựng. Các quốc gia này đang chuẩn bị cho sự trở lại của Trump, học hỏi từ những gì đã hiệu quả và những gì đã gây khó chịu trong nhiệm kỳ đầu của ông, và có thể chọn áp dụng các biện pháp mạnh mẽ hơn chống lại Trung Quốc để thu hút sự chú ý của chính quyền mới. Tuy nhiên, Bắc Kinh sẽ phản công bằng cách đưa ra các đề nghị đầu tư, các hợp tác công nghệ trong những lĩnh vực mà các công ty Trung Quốc dẫn đầu (chẳng hạn như xe điện), các ưu đãi thuế, giảm thuế quan, miễn thị thực, nói lỏng các hạn chế xuất khẩu và các biện pháp khuyến khích khác. Nếu những nỗ lực này không thành công, Bắc Kinh có thể trả đũa các rào cản thương mại của Mỹ và các đồng minh bằng cách áp dụng các biện pháp kiểm soát xuất khẩu nghiêm ngặt hơn. Ví dụ, Trung Quốc có

thể hạn chế xuất khẩu các nguyên liệu thiết yếu cho công nghệ sạch và sản xuất chất bán dẫn (như họ đang làm với các biện pháp kiểm soát xuất khẩu đối với gallium, germanium, graphite và antimony), điều này có thể ảnh hưởng đến sản xuất của Mỹ và các đồng minh trong các lĩnh vực quan trọng. Bắc Kinh cũng có thể áp dụng các biện pháp kiểm soát xuất khẩu trừng phạt đối với các sản phẩm có thành phần Trung Quốc tối thiểu, chẳng hạn như cấm xuất khẩu tất cả các sản phẩm graphite chế biến từ Trung Quốc sang Mỹ, nơi chúng được sử dụng trong sản xuất pin.

Ngay cả khi Bắc Kinh chỉ đưa ra các đe dọa và hạn chế có chọn lọc, việc áp dụng các biện pháp này đối với một số đối tác của Mỹ mà không phải tất cả, vẫn sẽ gây ảnh hưởng đến các quốc gia khác trên thế giới, từ Brussels đến New Delhi. Các chính phủ không chỉ ở phương Tây mà trên toàn cầu sẽ phải tự hỏi liệu sự phụ thuộc vào Trung Quốc đối với các nguyên liệu quan trọng có bền vững hay không, hay liệu điều này có tiềm ẩn nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia. Nếu câu trả lời là nguy cơ, sẽ dễ dàng hơn cho Mỹ trong việc tập hợp một liên minh toàn cầu để giảm rủi ro từ các chuỗi cung ứng phụ thuộc vào Trung Quốc. Những nỗ lực này đã bắt đầu trong ngành công nghiệp quốc phòng qua các sáng kiến như Quan hệ Đối tác Công nghiệp Ấn Độ – Thái Bình Dương do Lầu Năm Góc dẫn đầu, nhằm thúc đẩy hợp tác trong việc mua sắm quốc phòng. Bắc Kinh có chiến lược trả đũa đối với các chính sách của Trump, nhưng lại chưa có kế hoạch ứng phó với những hậu quả từ các bước đi mà các đối tác của Mỹ có thể thực hiện để phản ứng lại.

TÀM NHÌN DÀI HẠN

Cuối cùng, các xu hướng kinh tế đang dần ủng hộ nỗ lực của Mỹ trong việc giảm sự phụ thuộc của chuỗi cung ứng toàn cầu vào Trung Quốc. Mặc dù Bắc Kinh có thể vẫn giữ được thị phần xuất khẩu thêm một hoặc hai năm nữa, nhưng ngay cả khi đạt được mục tiêu này, Trung Quốc sẽ phải đối mặt với sự phản đối mạnh mẽ từ các quốc gia trên toàn cầu đối với chính sách thương mại của mình. Những quốc gia bất mãn này là những đối tác mà Washington cần để có thể đa dạng hóa chuỗi cung ứng toàn cầu một cách hiệu quả, vì các khoản đầu tư mới chỉ có thể thành công nếu có đủ nhu cầu trong các ngành công nghiệp quan trọng để việc đầu tư trở nên có ý nghĩa.

Dù việc đạt được sự đồng thuận về thuế quan và các hạn chế thương mại với các quốc gia đối tác đang trở nên dễ dàng hơn, điều này không thể là mục tiêu cuối cùng của chiến lược Mỹ. Việc áp dụng thuế quan cao và thay đổi chuỗi cung ứng để rời xa Trung Quốc là một quá trình có tính chất xáo trộn. Mặc dù Bắc Kinh hiện nay ở vị thế yếu hơn trước, họ vẫn có thể trả đũa. Để quản lý chi phí của chiến lược giảm rủi ro này, Mỹ nên chọn mức thuế quan vừa phải và chuẩn bị sẵn sàng mở rộng đầu tư vào các ngành công nghiệp sẽ thay thế các công ty Trung Quốc trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Cách nền kinh tế toàn cầu được tái cấu trúc sẽ phụ thuộc vào mức độ cam kết của chính quyền Trump đối với các mục tiêu dài hạn, như xây dựng một nền sản xuất an toàn hơn và thiết lập các mô hình thương mại toàn cầu bền vững hơn. Tạo ra một nền tảng nhu cầu rộng lớn hơn theo cách này sẽ hiệu quả hơn nhiều so với việc cố gắng bắt chước Trung Quốc trong việc giành thêm thị phần trong một chiếc bánh kinh tế đang thu hẹp lại.

Daniel H. Rosen là Đồng sáng lập của Rhodium Group và là trưởng bộ phận Trung Quốc của công ty.

Reva Goujon điều hành bộ phận tư vấn doanh nghiệp tại Rhodium Group.

Logan Wright là Đối tác tại Rhodium Group và dẫn dắt nghiên cứu về thị trường tài chính Trung Quốc của công ty.

Nguồn: Daniel H. Rosen, Reva Goujon, Logan Wright, “China’s Slowdown Has Changed the Trade War,” Foreign Affairs, 17/12/2024.

Biên dịch: Phong trào Duy Tân.

NHỮNG BÀI HỌC TỪ NƯỚC NGA CỦA TẬP CẬN BÌNH



JOSEPH TORIGIAN

Những bài học mà cha của nhà lãnh đạo Trung Quốc đã dạy ông về cách đối phó với Moscow.

Vào ngày 4 tháng 2 năm 2022, ngay trước khi xâm lược Ukraine, Tổng thống Nga Vladimir Putin đã đến Bắc Kinh, nơi ông và Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình ký một thỏa thuận công nhận mối quan hệ đối tác “không giới hạn”. Kể từ đó, trong hơn hai năm, Trung Quốc đã từ chối lên án cuộc xâm lược và đã hỗ trợ Nga trong việc mua sắm các vật liệu quan trọng cho chiến tranh, từ máy công cụ đến động cơ và máy bay không người lái. Mối quan hệ phát triển mạnh mẽ giữa Tập và Putin đã khiến các lãnh đạo phương Tây phải đặt câu hỏi: Liệu liên minh giữa Moscow và Bắc Kinh từ thời kỳ đầu của Chiến tranh Lạnh có quay trở lại? Cả Nga và Trung Quốc đều bác bỏ những suy đoán này, nhưng đồng thời cũng khẳng định rằng mối quan hệ hiện tại của họ mạnh mẽ hơn nhiều so với thời kỳ họ từng cùng nhau lãnh đạo thế giới cộng sản.

Tập Cận Bình hiểu rõ điều này. Cha của ông, Tập Trọng Huân, là một quan chức cấp cao của Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ), người có sự nghiệp phản ánh quan hệ giữa

Bắc Kinh và Moscow trong suốt thế kỷ 20. Sự nghiệp của ông Huân trải dài từ những ngày đầu của cuộc cách mạng vào những năm 1920 và 1930, sự giúp đỡ gián đoạn trong thập niên 1940, việc sao chép mô hình Liên Xô trong những năm 1950, sự chia rẽ công khai trong những năm 1960 và 1970, cho đến sự hòa giải vào cuối những năm 1980. Các mối quan hệ của ông Huân với Moscow đã chỉ ra những rủi ro từ sự thân thiết và thù địch, và cách mà sự gắn bó quá mức có thể gây ra những căng thẳng không thể kiểm soát, dẫn đến một cuộc xung đột tốn kém. Nhận thức được lịch sử đó, Tập Cận Bình, qua những gì thể hiện, tin rằng mối quan hệ hiện tại giữa Moscow và Bắc Kinh thực sự vững chắc hơn so với những năm 1950 và ông có thể tránh được những căng thẳng dẫn đến sự chia rẽ trước đây.

Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, tư tưởng cộng sản cuối cùng đã khiến hai quốc gia này xa nhau, còn hiện nay họ lại được kết nối bởi những quan điểm chung mang tính bảo thủ, chống phương Tây và chủ nghĩa nhà nước. Ngày xưa, những mối quan hệ cá nhân tồi tệ giữa các lãnh đạo đã làm tổn hại đến quan hệ giữa hai nước, trong khi hôm nay, Tập và Putin đã biến mối quan hệ cá nhân của họ thành một yếu tố quan trọng trong đối tác chiến lược. Trước đây, những yêu cầu của liên minh Chiến tranh Lạnh, buộc mỗi bên phải hy sinh lợi ích của mình vì lợi ích của đối tác, đã ẩn chứa mầm mống cho sự đổ vỡ, trong khi trực hợp tác hiện tại lại mang đến sự linh hoạt lớn hơn. Trung Quốc và Nga sẽ không bao giờ đồng hành cùng một nhịp như những năm đầu sau Cách mạng Trung Quốc, nhưng họ cũng khó có thể tách rời nhau trong tương lai gần.

NHỮNG LIÊN LẠC NGUY HIỂM

Tập Cận Bình sinh năm 1953, vào thời kỳ Trung Quốc đang tích cực sao chép mô hình Liên Xô. Khẩu hiệu phổ biến nhất ở Trung Quốc năm đó là: “Liên Xô của hôm nay là Trung Quốc của ngày mai.” Cha của ông, Tập Trọng Huân, vừa chuyển đến Bắc Kinh từ khu vực Tây Bắc Trung Quốc, nơi ông đã trải qua phần lớn bốn thập kỷ đầu đời tham gia vào cuộc cách mạng được ảnh hưởng bởi Cách mạng Bolshevik năm 1917. Giống như nhiều người cùng thế hệ, Tập Trọng Huân hết lòng với lý tưởng cộng sản dù phải trải qua vô số thất bại và hy sinh cá nhân, một sự tận tâm vẫn tồn tại sau khi ông bị chính đồng chí trong Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) bức hại và giam cầm vào năm 1935 vì không tuân thủ đầy đủ chính thống chủ nghĩa cộng sản.

Chiến thắng của Đảng Bolshevik đã tác động mạnh mẽ đến các nhà cách mạng Trung Quốc, và Moscow đã dẫn dắt, tài trợ cho ĐCSTQ trong những năm đầu. Tuy nhiên, khi sự độc lập của những người cộng sản Trung Quốc ngày càng gia tăng, nó cũng đi kèm với sự trỗi dậy của Mao Trạch Đông, và vận mệnh của Tập Trọng Huân gắn liền với Mao. Trong quan điểm của Mao, các nhà cách mạng được huấn luyện tại Liên Xô đã gần như phá hủy cuộc cách mạng ở Trung Quốc vì họ không hiểu rõ những điều kiện đặc biệt của đất nước. Mao cho rằng những người theo chủ nghĩa giáo điều đó đã từng bức hại Tập Trọng Huân vào năm 1935, cũng như đã gạt Mao ra ngoài vào đầu thập niên 1930 khi ông bị các lãnh đạo thân Liên Xô trong ĐCSTQ loại bỏ. Tuy nhiên, Mao không hề kêu gọi cắt đứt quan hệ với Moscow.

Tập Trọng Huân ít có cơ hội tiếp xúc với người nước ngoài trong phần lớn cuộc đời mình, nhưng điều này đã thay đổi vào cuối những năm 1940, khi Đảng Cộng sản Trung Quốc

chiến thắng trong cuộc nội chiến và mở rộng kiểm soát trên toàn quốc. Khi trở thành người đứng đầu Cục Tây Bắc, cơ quan của đảng phụ trách khu vực Tân Cương, ông đã bắt đầu có những tiếp xúc lâu dài với các nhà lãnh đạo Liên Xô. Liên Xô đã hỗ trợ ĐCSTQ trong việc triển khai sức mạnh quân sự tại khu vực này. Vào tháng 12 năm 1949, sau khi ĐCSTQ giành chiến thắng và củng cố quyền kiểm soát Trung Quốc đại lục, Xi đã thành công trong việc đề xuất với các lãnh đạo đảng về một sự hợp tác giữa Tân Cương và Liên Xô để phát triển tài nguyên tại đây. Chỉ một năm sau, ông được bổ nhiệm làm người đứng đầu Hiệp hội Hữu nghị Trung-Xô Tây Bắc.

Vào thời điểm Tập Cận Bình được sinh ra, Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) đã tiến hành cuộc thanh trừng lớn đầu tiên, một sự kiện có mối liên hệ chặt chẽ với cả Liên Xô và gia đình Tập. Cao Cương, một quan chức cấp cao và được coi là ứng cử viên kế nhiệm Mao Trạch Đông, đã quá lời trong việc chỉ trích các lãnh đạo khác trong những cuộc trò chuyện riêng tư. Mao Trạch Đông quay lưng với học trò của mình, và Cao cuối cùng đã tự sát. Cao có mối quan hệ gần gũi với Moscow, mặc dù đó không phải là lý do chính dẫn đến cuộc thanh trừng của ông, nhưng Mao bắt đầu lo ngại về những mối liên hệ này và cho rằng chúng là hành vi phản bội. Mối nguy hiểm từ việc duy trì quan hệ thân thiết với một cường quốc nước ngoài, dù là đồng minh, không thể không khiến Tập Trọng Huân chú ý, người đã từng phục vụ cùng Cao ở Tây Bắc và cũng bị bức hại cùng với ông vào năm 1935. Tập Trọng Huân suýt nữa cũng bị liên lụy. Mặc dù sự nghiệp của Tập Trọng Huân bị ảnh hưởng nặng nề bởi sự sụp đổ của Cao, nhưng sau đó ông được giao nhiệm vụ quản lý hàng nghìn chuyên gia Liên Xô được cử sang Trung Quốc để giúp tái thiết đất nước sau nhiều năm chiến tranh. Đây là một công việc vô

cùng khó khăn. Như Tập Trọng Huân kể lại trong một bài phát biểu năm 1956, những chuyên gia này gặp rất nhiều khó khăn khi thích nghi với Trung Quốc, và một số trong họ đã “chết, bị đầu độc, bị thương, ốm, hoặc bị cướp”—thậm chí tử tử cũng là một vấn đề. Cùng năm đó, khi Mao quyết định rằng cơ cấu chính trị Trung Quốc quá “Liên Xô” và tập trung quá nhiều quyền lực vào Bắc Kinh, Tập Trọng Huân cũng được giao nhiệm vụ thiết kế một kế hoạch cải cách chính phủ.

SỰ CHIA RẼ

Vào tháng 8 và tháng 9 năm 1959, Tập Trọng Huân, khi đó là phó thủ tướng quyền lực, đã dẫn đầu một phái đoàn đến Liên Xô. Tuy nhiên, thời điểm này không hề thuận lợi. Vào tháng 6 cùng năm, Liên Xô đã rút lại lời hứa hỗ trợ chương trình vũ khí hạt nhân của Trung Quốc. Lẽ ra Tập Trọng Huân đã thăm Liên Xô vào đầu mùa hè, nhưng một cuộc họp toàn thể của Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) tại Lư Sơn — nơi Bộ trưởng Quốc phòng Bành Đức Hoài bị thanh trừng — đã làm gián đoạn chuyến đi. Bành đã gửi một lá thư chỉ trích “Bước Nhảy Vọt Lớn” của Mao, và Mao không chỉ coi đó là một sự xúc phạm cá nhân mà còn nghi ngờ, dù sai lầm, rằng nhà lãnh đạo Liên Xô Nikita Khrushchev đã xúi giục Bành làm vậy. Bành và Tập Trọng Huân có mối quan hệ chặt chẽ, được xây dựng từ những năm tháng chiến đấu cùng nhau ở Tây Bắc Trung Quốc. Cuộc thanh trừng lớn thứ hai của ĐCSTQ, giống như cuộc thanh trừng đầu tiên, không chỉ gắn liền với gia đình Tập Trọng Huân mà còn liên quan đến những nghi ngờ của Mao về mục đích của Liên Xô. Và một lần nữa, Tập Trọng Huân đã suýt bị liên lụy.

Kể từ năm 1956, căng thẳng giữa Trung Quốc và Liên Xô đã dần dần gia tăng, nhưng chúng chỉ thực sự bùng nổ trong chuyến thăm của Tập Trọng Huân. Vào ngày 25 tháng 8, đúng ngày đại sứ quán Liên Xô ở Bắc Kinh mời Tập Trọng Huân thăm, binh lính Trung Quốc đã giết chết một binh sĩ Ấn Độ và làm bị thương một người khác tại biên giới Trung-Ấn. Mặc dù Trung Quốc cho rằng cái chết này là tai nạn, Liên Xô lại tức giận vì họ lo ngại vụ việc sẽ đẩy Ấn Độ ra khỏi khối cộng sản và làm thất bại những nỗ lực của Khrushchev trong việc tìm kiếm sự hòa hoãn với phương Tây trong chuyến thăm Washington sắp tới.

Hai ngày sau vụ bạo lực xảy ra ở biên giới, Tập Trọng Huân đến Moscow và nỗ lực khẳng định mối quan hệ đồng minh giữa hai nước. Trong một cuộc gặp riêng với một phó thủ tướng Liên Xô, ông cố gắng đưa ra cái nhìn tích cực về “Bước Nhảy Vọt Lớn” của Mao, dù nó đã kéo dài được một năm. Tập Trọng Huân đã tham quan Triển lãm Thành tựu Kinh tế Quốc gia, nơi trưng bày các thành tựu công nghệ của Liên Xô, và đặt vòng hoa tại lăng của hai nhà lãnh đạo đầu tiên của Liên Xô, Vladimir Lenin và Joseph Stalin. Sau khi dành vài ngày ở Liên Xô, thăm Ukraine và Tiệp Khắc, Tập Trọng Huân quay lại Moscow, nơi đoàn của ông tham quan văn phòng và căn hộ cũ của Lenin trong Cung điện Kremlin Lớn. Ông dường như đã kể với con trai về khoảnh khắc này: vào năm 2010, khi thăm Moscow với tư cách phó chủ tịch, Tập Cận Bình yêu cầu Tổng thống Nga Dmitry Medvedev dẫn ông đến cùng một căn phòng. Theo một chuyên gia người Nga có quan hệ tốt, Tập Cận Bình đã dừng lại lâu ở đó và nói với Medvedev rằng đây là cái nôi của chủ nghĩa Bolshevik. Ông còn cho biết cha mình, Tập Trọng Huân, từng nói rằng Nga và Trung Quốc luôn phải là bạn bè. Tuy nhiên, vào năm 1959, Tập Trọng

Huân đang đối mặt với một cuộc khủng hoảng trong quan hệ hai nước.

Vào ngày 9 tháng 9, khi trở lại Bắc Kinh, các nhà ngoại giao Liên Xô đã thông báo với Trung Quốc về kế hoạch công bố một tuyên bố trên TASS, cơ quan thông tấn nhà nước, với lập trường trung lập đối với vụ xung đột biên giới Trung-Ấn. Trung Quốc vô cùng tức giận và yêu cầu Liên Xô thay đổi hoặc trì hoãn bản thông báo. Tuy nhiên, Liên Xô không chỉ từ chối yêu cầu của Trung Quốc mà còn công bố tuyên bố đó vào tối hôm đó. Ngày hôm sau, Tập Trọng Huân đã rời Moscow về Bắc Kinh, mặc dù ông dự kiến sẽ tiếp tục dẫn dắt phái đoàn đến ngày 18 tháng 9. Khi Mao và Khrushchev gặp nhau vào tháng sau, Mao đã phê phán vụ việc, nói rằng: “Thông báo của TASS khiến tất cả các đế quốc đều vui mừng.”

Cuộc tranh cãi này chỉ là vết nứt công khai đầu tiên trong mối quan hệ đồng minh. Vào mùa hè năm 1960, Khrushchev đã rút toàn bộ các chuyên gia Liên Xô khỏi Trung Quốc, và Tập Trọng Huân được giao nhiệm vụ quản lý việc rút lui của họ. Bài học mà con trai ông rút ra từ sự kiện này là Trung Quốc cần phải tự lực cánh sinh. Tại một cuộc họp ở Bali vào tháng 11 năm 2022, theo một cựu quan chức ngoại giao cấp cao của Mỹ, Tập Cận Bình đã nói với Tổng thống Mỹ Joe Biden rằng các hạn chế công nghệ của Mỹ sẽ thất bại, đồng thời chỉ ra rằng việc Liên Xô ngừng hợp tác công nghệ cũng không ngăn cản Trung Quốc phát triển vũ khí hạt nhân của riêng mình.

NÓNG VÀ LẠNH

Năm 1962, vận may của Tập Trọng Huân đã cạn kiệt khi ông bị khai trừ trong cuộc thanh trừng lớn thứ ba của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Giống như Cao và Bành, ông bị buộc tội làm gián điệp cho Liên Xô, mặc dù lý do chính cho hình phạt của ông không phải là tội danh này. Mao đã quyết định rằng Trung Quốc, giống như Liên Xô trước đây, đã đánh mất sự tập trung vào đấu tranh giai cấp, và Tập Trọng Huân đã trở thành một trong những nạn nhân của sự phản ứng mạnh mẽ của Mao. Năm 1965, khi Mao lên kế hoạch tái cấu trúc xã hội Trung Quốc để chuẩn bị cho một cuộc chiến với Liên Xô hoặc Mỹ, Tập Trọng Huân bị đày ải khỏi Bắc Kinh, đến làm việc tại một nhà máy chế tạo máy móc khai thác ở thành phố Lạc Dương, cách xa hàng trăm dặm. Mĩa mai thay, chính nhà máy này được xây dựng với sự giúp đỡ của các chuyên gia Liên Xô và đã được mô tả là “kết tinh” của “tình hữu nghị Trung-Xô vĩ đại.”

Tập Trọng Huân đã phải trải qua 16 năm sống trong cảnh lưu đày chính trị. Mãi đến năm 1978, hai năm sau khi Mao qua đời, ông mới được phục hồi. Khi trở thành bí thư tỉnh Quảng Đông, Tập Trọng Huân đã cảnh báo người Mỹ cần phải mạnh mẽ để chống lại sự xâm lược từ Liên Xô. Trong chuyến thăm Mỹ vào năm 1980, ông gây ấn tượng với các đối tác Mỹ nhờ quan điểm chống Liên Xô của mình và đã thăm trụ sở Bộ Tư lệnh Phòng không Bắc Mỹ (NORAD) ở Colorado, ghi chép rất kỹ càng. Là ủy viên Bộ Chính trị phụ trách các mối quan hệ với các đảng phái cách mạng, cánh tả và cộng sản, Tập Trọng Huân giúp Bắc Kinh cạnh tranh với Moscow về ảnh hưởng toàn cầu. Ông cũng phụ trách các vấn đề Tây Tạng và vào đầu những năm 1980, lo ngại về sự ảnh hưởng của Liên Xô đối với Đạt Lai Lạt Ma. Tuy nhiên, đến năm 1986, khi mối quan hệ giữa hai nước ấm lên, Tập Trọng Huân đã khen ngợi

các cải cách của Mikhail Gorbachev và bày tỏ hy vọng về một quan hệ tốt đẹp hơn giữa hai quốc gia.

Vậy Tập Cận Bình đã rút ra bài học gì từ lịch sử của cha mình? Vào năm 2013, trong chuyến công du nước ngoài đầu tiên sau khi trở thành lãnh đạo tối cao, ông đến Nga và phát biểu một cách ấm áp với một nhóm các chuyên gia nghiên cứu Trung Quốc về chuyến thăm của cha ông vào năm 1959. Tập Cận Bình kể rằng những bức ảnh từ chuyến đi đó đã bị tiêu hủy trong Cách mạng Văn hóa, nhưng mẹ ông vẫn giữ những món quà mà cha ông nhận được. Tập Cận Bình giải thích rằng mặc dù nhiều người cho rằng thế hệ ông nghiêng về phương Tây, nhưng ông đã được nuôi dưỡng trong hai nền văn học: Trung Quốc và Nga. Sau khi bị đày ra vùng nông thôn trong Cách mạng Văn hóa, Tập Cận Bình dành thời gian đọc các tiểu thuyết cách mạng Nga, trong đó cuốn sách yêu thích của ông là *Cái Gì Phải Làm?* của Nikolay Chernyshevsky. Tập Cận Bình sau này cho biết mình rất thích nhân vật Rakhmetov, một người cách mạng cuồng tín, người đã ngủ trên đỉnh để rèn luyện ý chí. Ông nói rằng chính sự ảnh hưởng của nhân vật này đã giúp ông vượt qua những cơn mưa bão và tuyết trắng trong thời gian ở nông thôn.

Tuy nhiên, trong cuộc trò chuyện năm 2013 với các chuyên gia Nga, Tập Cận Bình không đề cập đến tình hình quan hệ Trung-Xô vào thời điểm ông đọc các tác phẩm Nga. Vào năm 1969, khi Tập Cận Bình được gửi đi nông thôn, Trung Quốc và Liên Xô đang đối mặt với một cuộc chiến tranh biên giới không tuyên bố, và thậm chí có những lo ngại về khả năng Liên Xô tấn công hạt nhân. Ông cũng không nhắc tới công việc đầu tiên sau khi tốt nghiệp đại học, làm thư ký cho Cảnh Tiều, Tổng thư ký Quân ủy Trung ương, người có quan điểm

hoài nghi về Moscow. Vào năm 1980, trong một cuộc gặp tại Bắc Kinh, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Harold Brown đã nói với Cảnh rằng, khi xét về quan điểm của hai bên đối với Liên Xô, “có vẻ như các nhóm của chúng ta đã cùng nhau viết các tài liệu phát biểu này.”

CHẤT KÍCH THÍCH Ý THỨC HỆ

Khi nhìn vào quan hệ giữa Nga, Trung Quốc và Mỹ ngày nay, thật khó để tưởng tượng rằng Tập Cận Bình đã từng là một thiếu niên đào hầm trú ẩn để chuẩn bị cho một cuộc tấn công có thể đến từ Liên Xô. Hay rằng cha của ông đã từng được mời thăm NORAD. Mỗi quan hệ giữa Washington, Bắc Kinh và Moscow trong suốt 75 năm qua khá thay đổi, khiến một số người hy vọng rằng Tập Cận Bình có thể sẽ bị thuyết phục để giảm bớt sự ủng hộ đối với Nga. Tuy nhiên, những ai hy vọng rằng Trung Quốc sẽ quay lại chia rẽ với Nga như trước có lẽ sẽ thất vọng.

Một lý do lớn là, sự kích thích từ ý thức hệ hiện nay gần như không còn trong môi quan hệ này. Mặc dù một ý thức hệ cộng sản chung đã gắn kết Trung Quốc và Liên Xô sau năm 1949, nhưng theo thời gian, chính ý thức hệ này lại trở thành yếu tố làm tăng sự căng thẳng giữa hai nước. Mao có thói quen coi các bất đồng về chiến thuật là mâu thuẫn về ý thức hệ sâu sắc. Ông tin rằng Liên Xô không ủng hộ Trung Quốc trong cuộc đối đầu với phương Tây vì họ đã “sửa đổi” lý thuyết cộng sản. Trong thế giới cộng sản, các cuộc tranh cãi về lý thuyết có thể dễ dàng leo thang thành những cáo buộc phản bội. Khi Mao và Khrushchev tranh cãi về một tuyên bố của TASS vào tháng 10 năm 1959, câu nói của Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Trần Nghị, rằng Liên Xô là “những kẻ phản bội thời gian,” đã làm Khrushchev vô cùng tức giận vì

điều này không chỉ chất vấn tư cách của ông mà còn gắn ông với sự phản bội lý tưởng cách mạng. Như nhà sử học Lorenz Luthi đã nói, “Nếu không có vai trò quan trọng của ý thức hệ, không có liên minh này, và cũng không có sự sụp đổ của nó.”

Một khi tranh cãi về ý thức hệ đã xuất hiện, rất khó để bàn luận về những vấn đề khác. Điều này một phần là vì khi nói đến lý thuyết, người ta dễ liên tưởng đến việc thay đổi chế độ. Vào năm 1971, sau một cuộc trao đổi tương đối hiệu quả với hai nhà ngoại giao Liên Xô, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai đã nổi giận khi một trong họ đề cập đến một bài viết trên *Nhân Dân Nhật Báo* mà họ cho là kêu gọi nhân dân Liên Xô tiến hành cách mạng. Chu lưu ý rằng Liên Xô đang đón tiếp Wang Ming, một lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc (CCP) đời đầu, người đã xung đột với Mao và bị lưu đày. Chu đáp lại: “Các ông nghĩ rằng chúng tôi sợ ông ta sao? Hắn còn tệ hơn phân!” Khi một nhà ngoại giao Liên Xô yêu cầu ngừng la hét và nói rằng “la hét không phải là lý lẽ,” quan chức Trung Quốc đã đáp lại: “Nếu không la hét, các ông sẽ không nghe.”

Tuy nhiên, ngày nay, Nga đã rời xa lý tưởng cộng sản. Mặc dù Putin từng gọi sự sụp đổ của Liên Xô là một “thảm họa địa chính trị,” nhưng ông lại có quan điểm khá tiêu cực về Đảng Cộng sản Liên Xô. Trong bài phát biểu trước cuộc xâm lược Ukraine, Putin đã đổ lỗi cho Lenin về việc tạo ra Ukraine hiện đại và chỉ trích Stalin về “chế độ độc tài” và “toàn trị.” Còn Tập Cận Bình, trái lại, vẫn duy trì sự tôn trọng đối với di sản cộng sản. Theo một nhà ngoại giao Australia, các nhà ngoại giao Nga từng thấy lạ khi Tập Cận Bình trích dẫn tiểu thuyết cách mạng Nga “*Thép Đã Tôi Thế Đây*” cho họ. Dù không phải là người theo chủ nghĩa giáo điều, nhưng Tập Cận Bình

rất coi trọng ý thức hệ và đã đổ lỗi cho sự sụp đổ của Liên Xô một phần là do Moscow không duy trì được niềm tin vào chủ nghĩa Marx-Lenin.

Dù có sự khác biệt rõ rệt về quan điểm, nhưng giới lãnh đạo Trung Quốc và Nga hiện nay đều chia sẻ một tầm nhìn bảo thủ, mang tính nhà nước. Họ đều cho rằng các cuộc tấn công vào lịch sử của họ là âm mưu từ phương Tây nhằm làm suy yếu chế độ và cho rằng việc thúc đẩy dân chủ là mối đe dọa sống còn. Họ đều coi trọng các giá trị truyền thống như một nền tảng chống lại bất ổn và tin rằng phương Tây đang tự hủy hoại mình qua những cuộc tranh luận văn hóa. Cả hai đều tin rằng các chế độ độc tài mới có thể đối phó tốt hơn với những thách thức hiện đại. Họ cũng đều muốn đất nước mình lấy lại vị thế và lãnh thổ đã mất. Putin và Tập thậm chí còn kể cùng một câu chuyện về chính đáng hóa quyền lực, cho rằng các thế hệ lãnh đạo trước đã để cho đất nước suy yếu (do ảnh hưởng phương Tây), và chỉ có họ, với vai trò lãnh đạo mạnh mẽ, mới có thể ngừng được sự suy tàn đó.

MỐI QUAN HỆ CÁ NHÂN GIỮA PUTIN VÀ TẬP CẬN BÌNH

Một yếu tố quan trọng gắn kết Moscow và Bắc Kinh hiện nay là mối quan hệ cá nhân giữa Vladimir Putin và Tập Cận Bình. Mặc dù truyền thông Trung Quốc và Nga đều khẳng định sự thân thiết giữa hai nhà lãnh đạo, nhưng rất khó để xác định mức độ thân thiết thực sự của họ. Putin, được đào tạo như một sĩ quan KGB, có khả năng quản lý con người một cách hiệu quả, và Tập Cận Bình, dưới sự chỉ dẫn của cha mình – một bậc thầy về các chiến lược “mặt trận thống nhất” của Đảng Cộng sản – cũng đã học được những kỹ năng tương tự. Tuy nhiên, dù có những điểm tương đồng về chính trị, Putin và Tập lại rất khác nhau về tính cách. Putin từng gây tay

trong một cuộc ẩu đả tại tàu điện ngầm Leningrad, còn Tập nổi bật với khả năng tự kiểm soát bản thân tuyệt vời, khi đã lên được chức vụ cao mà không để lộ quan điểm cá nhân. Putin sống cuộc sống xa hoa, trong khi phong cách cá nhân của Tập lại có vẻ khá khắc khổ. Dù có nhiều khác biệt, mối quan hệ hợp tác giữa các nhà lãnh đạo Nga và Trung Quốc lại là điều khá lạ trong lịch sử.

Với Mao Trạch Đông, Joseph Stalin là một nhân vật vĩ đại trong thế giới cộng sản, nhưng Mao không hài lòng với thái độ thận trọng của Stalin đối với Cách mạng Trung Quốc cuối những năm 1940. Mao cũng không thích cách Stalin đàm phán về hiệp ước đồng minh giữa hai quốc gia vào cuối thập niên 1940 và đầu thập niên 1950. Sau khi Stalin qua đời, Mao càng cảm thấy mình có địa vị vượt trội so với Nikita Khrushchev, và ông thường coi thường nhà lãnh đạo Liên Xô này.

Đặng Tiểu Bình, người học trò nổi bật của Mao, đã thể hiện sự kiên cường đáng ngưỡng mộ trong những cuộc tranh luận về lý luận ở Moscow trong những năm 1960, điều khiến Mao rất coi trọng ông. Tuy nhiên, sau khi Mao qua đời, Đặng đã nhận thấy rằng các quốc gia liên kết với Liên Xô thường gặp khó khăn về kinh tế, trong khi các đồng minh của Mỹ lại phát triển mạnh mẽ. Mặc dù nhiều người mong muốn mối quan hệ giữa Trung Quốc và Liên Xô sẽ được cải thiện, Đặng chủ yếu phớt lờ những tiếng nói này và chỉ gặp lãnh đạo Liên Xô Mikhail Gorbachev một lần — trong thời gian diễn ra các cuộc biểu tình ở Quảng trường Thiên An Môn. Đặng đã gọi Gorbachev là “một tên gốc.” Sau khi Liên Xô sụp đổ và Boris Yeltsin trở thành tổng thống Nga, ban đầu Trung Quốc hoài nghi ông, nhưng sau đó mối quan hệ giữa hai quốc gia đã

được cải thiện, và người kế nhiệm Đặng, Giang Trạch Dân, có thể hát lại những bài ca hữu nghị Trung-Xô cũ khi ông từng học ở Liên Xô.

Mặc dù quan hệ cá nhân giữa các nhà lãnh đạo không phải là yếu tố chính làm nên sự gắn kết giữa Nga và Trung Quốc ngày nay, nhưng lịch sử đã chỉ ra rằng những quan hệ cá nhân này có thể ảnh hưởng rất lớn đến chính sách đối ngoại của mỗi quốc gia, đặc biệt là khi các nhà lãnh đạo có sự khinh miệt đối với nhau. Dù có nhiều khác biệt, Putin và Tập Cận Bình có nhiều điểm chung. Cả hai đều có độ tuổi tương đồng và đều là con cái của những người cha đã hy sinh vì đất nước. Quan trọng hơn, cả hai đều đã trải qua những trải nghiệm sâu sắc về những mối đe dọa từ bất ổn chính trị. Trong Cách mạng Văn hóa, gia đình Tập Cận Bình đã bị bắt cóc và hành hạ bởi Đội Cận vệ Đỏ của Mao. Còn vào năm 1989, Putin, khi đó là một sĩ quan KGB ở Dresden, đã chứng kiến sự sụp đổ của Đông Đức và cảm thấy cô lập khi không nhận được chỉ đạo từ Moscow. Những trải nghiệm này tạo ra nhiều điểm chung giúp Putin và Tập dễ dàng trò chuyện, chia sẻ và hiểu nhau hơn khi họ cùng nhau thưởng thức blini và suĩ cải trong các cuộc gặp gỡ chính thức.

HỢP TÁC

Mối quan hệ hợp tác giữa Bắc Kinh và Moscow ngày nay có tính linh hoạt cao hơn rất nhiều, điều này khiến việc duy trì hợp tác giữa hai quốc gia trở nên phức tạp hơn so với trước đây. Kể từ năm 1949, thách thức chiến lược lớn nhất đối với cả hai cường quốc, vốn là trung tâm quyền lực độc tài của lục địa Á-Âu, là làm thế nào để hợp tác hiệu quả trong việc đối phó với mối đe dọa từ vành đai dân chủ do Mỹ lãnh đạo. Dù Mỹ có sức mạnh lớn trong khu vực của mình, Bắc Kinh và

Moscow vẫn gặp khó khăn trong việc phối hợp hành động. Họ nhiều lần cho thấy sự không sẵn sàng hy sinh lợi ích của mình vì lợi ích của đối phương, phần lớn do nghi ngờ rằng đối tác có thể bán đứng mình và tìm cách cải thiện quan hệ với phương Tây.

Trước khi xảy ra sự chia rẽ Trung-Xô, mối quan hệ đồng minh giữa Moscow và Bắc Kinh đã tạo ra những khó khăn thực sự đối với Mỹ, đồng thời mang lại những lợi ích cho cả hai quốc gia. Biên giới yên bình giữa hai nước đã cho phép họ tập trung vào việc đối phó với phương Tây và chia sẻ công nghệ quân sự. Năm 1958, khi Trung Quốc tấn công Đài Loan để cố gắng chiếm quyền kiểm soát hòn đảo này, Khrushchev đã hỗ trợ Bắc Kinh bằng cách công khai cảnh báo rằng ông sẽ can thiệp nếu Mỹ tham gia vào cuộc xung đột — dù ông không hài lòng vì Bắc Kinh không thông báo kế hoạch trước. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa trung tâm quyền lực và ngoại vi luôn là sự kết hợp giữa sự chung sống và cạnh tranh, và Moscow và Bắc Kinh hiếm khi đạt được sự cân bằng giữa hai mục tiêu đối lập này. Trong suốt những năm 1950 và 1960, Trung Quốc gần như bị loại khỏi hệ thống quốc tế, trong khi Liên Xô chủ yếu duy trì vai trò của một cường quốc ổn định. Ngôn ngữ đe dọa chiến tranh hạt nhân của Mao, cùng với việc ông sử dụng vũ lực ở biên giới Trung-Ấn và các đảo ngoài khơi eo biển Đài Loan, đã khiến Kremlin lo ngại rằng Trung Quốc có thể kéo Liên Xô vào một cuộc chiến. Moscow ủng hộ Hiệp ước Cấm Phốt binh Vũ khí Hạt nhân, từ chối hỗ trợ Trung Quốc trong các cuộc khủng hoảng và hy vọng đạt được sự giảm căng thẳng với phương Tây, khiến lãnh đạo Bắc Kinh cảm thấy Moscow quan tâm đến phương Tây hơn là khối cộng sản.

Ngày nay, tình hình đã thay đổi. Trung Quốc hy vọng sẽ thu được lợi ích kinh tế và công nghệ từ việc duy trì quan hệ với Mỹ và Châu Âu, trong khi Moscow xem mỗi quan hệ với Trung Quốc chủ yếu là sự cạnh tranh. Người Nga mong muốn Bắc Kinh cung cấp hỗ trợ quân sự cho chiến trường ở Ukraine và đồng ý với dự án Power of Siberia 2, một đường ống khí đốt tự nhiên dùng để chuyển khí đốt tới phía Đông Bắc của Trung Quốc. Tuy nhiên, khác với thời kỳ hoàng kim của liên minh Trung-Xô, Bắc Kinh hiện nay không bị bắt buộc phải hy sinh lợi ích kinh tế hoặc danh tiếng vì Moscow, vì hai quốc gia không phải là đồng minh chính thức. Điều này khiến cho người Nga ít cảm thấy bị phản bội và Trung Quốc cũng ít lo sợ bị kéo vào các rủi ro từ mỗi quan hệ này.

BÀI HỌC LỊCH SỬ

Là con trai của một người đã có ảnh hưởng lớn trong mỗi quan hệ giữa Trung Quốc và Moscow, Tập Cận Bình rất hiểu lịch sử. Lịch sử đã chỉ rõ những rủi ro khi quá dễ dãi hoặc hoàn toàn đối đầu với một quốc gia. Hiện nay, Tập muốn duy trì quan hệ đủ gần với Nga để có thể gây khó khăn cho phương Tây, nhưng không quá thân thiết đến mức Trung Quốc phải cắt đứt hoàn toàn với phương Tây. Điều này không hề dễ dàng và có thể sẽ trở nên khó khăn hơn. Washington đang cố gắng làm cho điều này trở nên khó khăn hơn, khi liên kết Trung Quốc và Nga, cho rằng Trung Quốc (một cách chính xác) đang hỗ trợ Nga trong cuộc chiến ở Ukraine. Cuộc xung đột này đã gây tổn hại lớn về kinh tế và danh tiếng cho Trung Quốc, dù Bắc Kinh vẫn né tránh một số yêu cầu từ Moscow.

Mọi mỗi quan hệ đều có những vấn đề, đặc biệt là giữa các cường quốc. Tuy nhiên, điểm khác biệt so với thời kỳ Chiến

tranh Lạnh là các vấn đề về tư tưởng và cá nhân không còn là yếu tố quá khó khăn để giải quyết. Trừ khi xảy ra các sự kiện lớn nhưng ít có khả năng xảy ra, như việc sử dụng vũ khí hạt nhân ở Ukraine, sự sụp đổ của Nga hay chiến tranh liên quan đến Đài Loan, Trung Quốc có thể sẽ tiếp tục duy trì một chính sách linh hoạt trong quan hệ với Nga. Đôi khi Bắc Kinh sẽ thể hiện mối quan hệ gần gũi với Moscow, nhưng đôi khi cũng sẽ phát đi tín hiệu xa cách, tùy theo diễn biến tình hình. Về phần Mỹ, họ có thể tác động vào một số quyết định của Trung Quốc và giới hạn hỗ trợ mà Nga nhận được. Tuy nhiên, trong tương lai gần, mô hình quan hệ giữa Trung Quốc và Nga của Tập có thể sẽ vững chắc hơn so với trước đây, bởi vì, trái ngược với kỳ vọng, nó tránh được nguy cơ của một sự thân mật quá mức.

Joseph Torigian là Nghiên cứu viên tại Phòng thí nghiệm Lịch sử Hoover của Đại học Stanford và là Giáo sư tại Trường Dịch vụ Quốc tế của Đại học American.

Nguồn: Joseph Torigian, "Xi Jinping's Russian Lessons," *Foreign Affairs*, 24/6/2024.

Biên dịch: Phong trào Duy Tân.

JIMMY CARTER: PHỤNG SỰ NHÂN LOẠI VÀ ÂN NHÂN CỦA NGƯỜI TỊ NẠN VIỆT NAM



VŨ ĐỨC KHANH

NGUYỄN VĂN TUẤN

Phong trào Duy Tân xin chia sẻ với các bạn hai bài viết về cựu tổng thống Mỹ Jimmy Carter, người vừa qua đời, một người hoạt động không ngừng nghỉ vì công lý và hoà bình, và đặc biệt ông còn là một ân nhân của người tị nạn Việt Nam. Hai bài viết này, một của luật sư Vũ Đức Khanh, và một của giáo sư Nguyễn Văn Tuấn, được trình bày bên dưới.

Jimmy Carter: Một Cuộc Đời Phụng Sự Cho Hoà Bình, Công Lý và Lương Tri Nhân Loại

Tác giả: Vũ Đức Khanh.

Ngày hôm nay, thế giới chia tay cựu Tổng thống Jimmy Carter, người đã yên nghỉ ở tuổi 100 sau một thế kỷ sống hết mình vì hoà bình, nhân quyền, và công lý. Carter không chỉ là

một nhà lãnh đạo nước Mỹ mà còn là một biểu tượng quốc tế về lòng nhân ái và sự cống hiến không ngừng nghỉ.

Di sản trong vai trò Tổng thống Hoa Kỳ (1977–1981)

Nhiệm kỳ tổng thống của Carter được đánh dấu bởi những khó khăn kinh tế, những thách thức ngoại giao phức tạp, và sự bất mãn chính trị. Tuy nhiên, dưới bề nổi của một nhiệm kỳ bị chỉ trích là “thất bại” về chính trị, Carter đã để lại nhiều thành tựu quan trọng:

1. Hiệp định Trại David (1978)

Carter là kiến trúc sư chính của hiệp định hòa bình giữa Ai Cập và Israel, chấm dứt 30 năm xung đột ở Trung Đông. Đây là một thành tựu ngoại giao lớn, ghi dấu ấn Mỹ như một cường quốc thúc đẩy hòa bình toàn cầu.

2. Nhân quyền làm tâm điểm chính sách đối ngoại

Carter nhấn mạnh giá trị phổ quát của nhân quyền, lên án các chế độ độc tài trên thế giới. Chính sách này không chỉ mang tính lý tưởng mà còn đặt nền móng cho sự thay đổi trong Chiến tranh Lạnh.

3. Bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc

Carter và Đặng Tiểu Bình đã đưa ra quyết định lịch sử trong việc thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức giữa Mỹ và Trung Quốc vào năm 1979, thay đổi hoàn toàn cục diện thế giới.

Tuy nhiên, nhiệm kỳ của Carter không thiếu những thất bại, như cuộc khủng hoảng con tin tại Iran hay khủng hoảng kinh tế trong nước. Những yếu tố này khiến ông thất bại trước Ronald Reagan vào năm 1980. Nhưng lịch sử đã nhìn

nhận lại những đóng góp thực sự của ông trong bốn năm sóng gió ấy.

Nỗ lực hòa giải Việt-Mỹ và cơ hội bị bỏ lỡ

Trong giai đoạn 1977–1979, Carter đã nỗ lực mở ra cánh cửa hòa giải giữa Mỹ và Việt Nam. Ông từng tuyên bố rằng nhân quyền phải là yếu tố dẫn dắt chính sách đối ngoại, và điều này được áp dụng cả trong mối quan hệ với Việt Nam.

Carter mong muốn khép lại vết thương chiến tranh bằng cách bình thường hóa quan hệ với Hà Nội, tạo điều kiện để Việt Nam hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, nỗ lực này đã thất bại. Sự ngoan cố ý thức hệ và sự phụ thuộc vào Liên Xô của Hà Nội đã khiến giấc mơ bang giao bị trì hoãn thêm hai thập niên.

Hà Nội lúc đó, trong cơn hưng phấn sau chiến thắng 1975, đã chọn cách đối đầu thay vì hòa giải, đưa Việt Nam vào một cuộc chiến với Campuchia và sau đó đối đầu trực tiếp với Trung Quốc. Những quyết định này không chỉ cô lập Việt Nam trên trường quốc tế mà còn kéo dài sự đau khổ của người dân.

Nếu Hà Nội khi ấy biết nắm bắt cơ hội mà Carter mang lại, một Việt Nam tự do, dân chủ, và thịnh vượng có lẽ đã sớm thành hiện thực.

Sự nghiệp sau tổng thống: Một đời vì hòa bình và nhân đạo

Rời Toà Bạch Ốc, Carter không lui về ẩn dật như nhiều cựu tổng thống khác mà tiếp tục phục vụ nhân loại thông qua Trung tâm Carter (The Carter Center).

1. Xóa đói giảm nghèo và y tế cộng đồng

Carter dành nhiều năm ở những nơi hẻo lánh trên thế giới để giúp đỡ người nghèo, đặc biệt trong các chương trình phòng chống bệnh giun chỉ Guinea và sốt rét.

2. Giám sát bầu cử

Ông trở thành người giám sát bầu cử quốc tế, góp phần thúc đẩy dân chủ tại hơn 80 quốc gia.

3. Hòa giải xung đột

Với tư cách là một nhà hòa giải, Carter đã nỗ lực ngăn chặn các cuộc xung đột, từ châu Phi đến Trung Đông, khẳng định vai trò của Mỹ như một lực lượng thúc đẩy hòa bình.

Di sản cho Việt Nam và thế giới

Jimmy Carter là một tấm gương về đạo đức trong chính trị. Với dân tộc Việt Nam, dù ông không thể mang lại hòa bình và thịnh vượng sớm hơn, nhưng di sản của ông về nhân quyền và hòa giải vẫn là nguồn cảm hứng.

Trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, khi người dân vẫn khao khát tự do, dân chủ, và thịnh vượng, tinh thần của Carter nhắc nhở chúng ta rằng sự hòa giải, sự nhân ái, và lòng kiên định là những con đường dẫn đến tương lai tươi sáng hơn.

Lời chia tay

Jonathan Alter, trong bài viết trên Time Magazine hôm nay, nhận định rằng Carter không phải là một tổng thống xuất sắc bậc nhất, nhưng ông là một con người vĩ đại, một người làm việc không ngừng nghỉ vì hòa bình và công lý.

Jimmy Carter đã ra đi, nhưng ông để lại một di sản bất tử. Những bài học từ cuộc đời ông, đặc biệt về giá trị của nhân

quyền và hòa bình, sẽ mãi mãi là ngọn hải đăng soi đường cho nhân loại.

Thành kính phân ưu, chúng ta tiễn đưa ông với lòng biết ơn sâu sắc. Rest in peace, Jimmy Carter – người đã sống một thế kỷ đầy ý nghĩa và cống hiến.

29/12/2024

–

Một Đại Ân Nhân của ‘Thuyền Nhân’ Việt Nam

Tác giả: Nguyễn Văn Tuấn.

Tổng Thống thứ 39 của Mĩ Jimmy Carter mới từ trần vào ngày hôm qua (29/12/2024). Ông thọ đúng 100 tuổi.

Ở Việt Nam ngày nay, thế hệ trẻ có lẽ chỉ biết ông từng là một tổng thống của nước Mĩ, nhưng ít ai biết rằng ông là một đại ân nhân của người Việt.

Nói chính xác hơn ông là đại ân nhân của người Việt tị nạn.

Báo chí Việt Nam không đề cập đến cái công đó của ông Carter.

Sau năm 1975, hàng triệu người Việt tìm đường vượt biên và vượt biển. Rất nhiều người (khoảng 200,000 đến 400,000 người) đã bỏ mạng trên đường vượt biển.

Đó là một chương sử buồn.

Danh từ ‘Boat People’ hay ‘Thuyền Nhân’ bắt đầu từ đó.

Sự ra đi ồ ạt của những Thuyền Nhân tạo nên một sự khủng hoảng cho các nhà nước trong vùng và Mỹ. Làm sao tái định cư một số lớn người ra đi không một đồng xu dính túi này?

Trong khủng hoảng, có tin vui từ Tổng thống Jimmy Carter.

Năm 1980, TT Carter thông qua Đạo Luật Người Tị Nạn. Đạo Luật này thiết lập một khung pháp lí chánh thức để Mỹ tiếp nhận và tái định cư người tị nạn.

TT Jimmy Carter biết rằng Đạo Luật đó không được nhiều người Mỹ ủng hộ. Ngay cả trong hàng ngũ đảng Dân Chủ của ông cũng có người không ủng hộ.

Nhưng ông kiên quyết làm. Vì lòng nhân đạo.

Lòng nhân đạo của ông đã cứu giúp hơn 200,000 người tị nạn Việt Nam tái định cư ở Mỹ.

Không phải chỉ Mỹ, mà Chánh phủ Mỹ còn làm tấm gương để các nước đồng minh như Úc và Gia Nã Đại nhận người tị nạn Việt Nam. Tôi cũng là một người hưởng lợi gián tiếp từ Đạo Luật của ông Carter.

Ngay cả Do Thái cũng nhận người Việt tị nạn (qua lời khuyên của ông Carter tới Thủ tướng Do Thái Bergin).

Ngày nay, chúng ta có một cộng đồng người Việt lớn mạnh ở Mỹ là có sự giúp đỡ của ông Carter. Cái cộng đồng này đã 'lót đường' cho nhiều thế hệ người Việt sau này sang định cư ở Mỹ.

Do vậy, ông Carter không chỉ là đại ân nhân của người tị nạn Việt Nam, mà còn là ân nhân của nhiều người Việt không phải tị nạn.

Đó là một thành tựu lớn của TT Jimmy Carter.

Sau khi rời chức vụ Tổng thống, ông vẫn là một nhà nhân đạo. Năm 2002, ông Jimmy Carter được trao Giải Nobel Hoà Bình.

Có thể nói không ngoa rằng ông Jimmy Carter là ‘President of Boat People’ (Tổng thống của Thuyền Nhân).

Ông từng nói về quyết định nhận người Việt tị nạn rằng:

“Tôi chỉ có một cuộc đời và một cơ hội có ý nghĩa ... Đức tin của tôi khiến tôi làm bất cứ điều gì có thể, ở bất cứ nơi đâu, vào bất cứ lúc nào, trong suốt thời gian tôi có thể, với bất cứ điều gì tôi có, và để cố gắng tạo nên sự khác biệt.”

Ông quả thật đã tạo nên sự khác biệt tích cực cho hàng triệu thuyền nhân Việt Nam.

Ông hành động vì lương tâm, không vì chính trị hay lá phiếu.

Xin mượn bản ghi chép này để tri ân ông và chúc ông chuyên nghiệp bình yên.